

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Theo Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 và Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Ngành dự kiến mở: Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam Mã ngành: 7220101
Trình độ đào tạo: Cử nhân

1. Về giảng viên

Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

S T T	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghịệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghịệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệ m (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng g			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Trần Thị Hoa Lê (18.3.1968)	0301680 15454; Việt Nam	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2007	Văn học Việt Nam	x, 1992		0199 0706 50	32	1	2	

2	Nguyễn Việt Hùng (08-09-1979)	0001266 4; Việt Nam	PGS. 2015	TS, Việt Nam, 2011	Văn học dân gian	2005			19	1	2	
3	Nguyễn Thanh Tùng (03-10-1981)	0380810 19822; Việt Nam	PGS, 2016	TS, Việt Nam, 2010	Văn học Việt Nam	x, 2006		0107 0077 16	18	1	2	
4	Đỗ Thị Mỹ Phương (29-09-1982)	0371820 01713; Việt Nam		TS, Việt Nam, 2016	Văn học Việt Nam	2007		4010 1080 0163	17		1	
5	Trịnh Thùy Dương (12-10-1996)	0011960 43956; Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2020	Văn học Việt Nam	x, 2022		0125 4263 92	0	0	0	
6	Trần Ngọc Hiếu (24-12-1979)	0010790 41307; Việt Nam		TS,Vi ệt Nam, 2012	Lý luận văn học	X, 2005		0104 0198 96	20	0	1	
7	Nguyễn Thị Hải Phương (03-06-1979)	0421790 00244; Việt Nam		TS, Việt Nam, 2012	Lí luận văn học	x, 2005		4010 1040 1991 2	20	0	3	
8	Đỗ Văn Hiếu (3.1.1979)	0340790 05776 ; Việt Nam		Tiến sĩ, Trung	Văn học	2006		HC4 0101	19	1	2	

				Quốc, 2013				0700 7717				
9	Nguyễn Ngọc Minh (05-09-1981)	0791810 01776, Việt Nam		Tiến sĩ, 2013	Lí luận văn học	2006		0107 0077 56	19	1	2	
10	Nguyễn Thu Hằng (17.05.1997)	0011970 40120 Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2022	Lí luận văn học	X 2023		0131 3542 47	1	0	0	
11	Vũ Thị Kiều Chinh (31-1-1997)	0351970 05724 Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2024		1/12/2 024		3520 5100 17	0	0	0	
12	Đặng Thị Hào Tâm (30/07/1965)	0141650 02631; Việt Nam	2010 PGS	2002 TS; Việt Nam	Ngôn ngữ học	x, 9/1986		1896 0146 7799 5094	38	2	2	
13	Nguyễn Thị Thu Thủy (25/5/1973)	0141730 00063, Việt Nam	2016, PGS	TS, Việt Nam, 2003	Ngôn ngữ học	1994		1896 0164 02	30	0	2	
14	Đặng Thị Thu Hiền (03-07-1981)	0311810 09601; Việt Nam		TS, Việt Nam, 2017	Ngôn ngữ học	x 6/2006		0107 0077 66	19	0	0	
15	Nguyễn Thị Hồng Ngân (08/07/1977)	0011770 27959 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2012	Ngôn ngữ học	X 03/200 6		0107 0077 13	19	0	2	

16	Lương Thị Hiền (27-06-1982)	0361820 23586 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2014	Ngôn ngữ học	X 03/200 7			18	0	1	
17	Trần Kim Phượng (28-11-1970)	0261700 05426	PGS 2013	TS, Việt Nam 2005	Ngôn ngữ học	1992			32	2	1	
18	Đoàn Tiến Lực (20-12-1979)	0300790 10520		TS, Việt Nam 2018	Ngôn ngữ học	2001		8603 0010 53	23	0	0	
19	Tạ Thành Tấn (11/02/1990)	0340900 01580 Việt Nam		TS, Canad a,2023	Ngôn ngữ học	x, 01/201 5		0115 0328 62	9	0	0	
20	Phạm Thị Thu Hương (17-09-1976)	0341760 10919	PGS 2013	TS, Việt Nam, 2007	Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn	2002			25	1	2	
21	Trịnh Thị Lan (30-08-1976)	0381760 16643	PGS 2018	TS, Việt Nam, 2010	Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn	x, 1998		0101 0260 71	25	1	3	

22	Lê Thị Minh Nguyệt (04-11-1982)	0241820 02081		TS, 2014	Giáo dục học	X 2014			20	0	1	
23	Đoàn Thị Thanh Huyền (27-03-1983)	0311830 14160		TS, Việt Nam, 2017	Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn	2008			17	0	1	
24	Trần Hoài Phương (24-10-1986)	0261860 02694		TS, Việt Nam, 2016	Lí luận và PPDH bộ môn Văn - Tiếng Việt	2008			16	0	2	
25	Nguyễn Thế Hưng (14-11-1994)	0260940 02337		TS, Việt Nam, 2022	Lí luận và PPDH bộ môn Văn - Tiếng Việt	2020			8	0	1	
26	Đỗ Hải Phong (23-10-1967)	0010670 03950 Việt Nam	PGS, 2006	TS, LB Nga, 1997	Ngữ văn	1997			27	1	1	

27	Nguyễn Linh Chi (23/12/1970)	0011700 13695	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2011	Văn học	2000		0103 0278 32	24	1	2	
28	Nguyễn Mai Liên (02-01-1970)	0011700 41065	PGS 2014	TS, Việt Nam, 1999	Văn học các dân tộc châu Á	9/ 1990		0001 0144 30	35	1	3	
29	Thành Đức Hồng Hà (09/03/1972)	0011720 28265	PGS 2018	TS, Việt Nam, 2011	Ngữ văn	11, 1996		0199 0706 41	29		2	
30	Nguyễn Thị Mai Chanh (06/12/1968)	0191680 05396	PGS, 2013	TS, Việt Nam, 2008	Ngữ văn	X, 1989		8198 0095 76	36	2	3	
31	Trần Thị Thu Hương (30/5/1979)	0371790 02585; Việt Nam		TS, Trung Quốc, 2013	Văn học	2004		0104 0116 78	20	0	1	
32	Nguyễn Hoàng Mai (06/06/1999)	0011990 00659; Việt Nam		ThS, Vườn quốc Anh, 2023	Nghiên cứu Văn học Anh (English Literary Studies)	12/2024		0129 5700 58	0	0	0	
33	Hà Văn Minh (01-01-1973)	0380730 18017, Việt Nam	PGS, 2014	TS, Việt Nam	Hán Nôm	11/1996			33	3	3	

34	Nguyễn Thị Thanh Chung (30-11-1978)	0341780 00067, Việt Nam	PGS, 2015	TS, Việt Nam, 2010	Hán Nôm	2000			24	4	2	
35	Dương Tuấn Anh (06/05/1975)	0010750 21528, Việt Nam	PGS, 2014	TS, Trung Quốc, 2009	Văn học	1998			26	8 (thành viên)	2	
36	Nguyễn Thị Tú Mai (11/9/1977)	0341770 15526, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2012	Hán Nôm	2000			26	4	2	
37	Phùng Diệu Linh (06-05-1983)	0271830 00949; Việt Nam		TS, Việt Nam, 2017	Hán Nôm	2007		0109 0097 78	17	0	1	
38	Nguyễn Bá Trung (01/04/1998)	0010980 17944		ThS, Việt Nam, 2023	Hán Nôm	2024		0121 9930 85	0	0	0	
39	Trần Văn Toàn (02-02-1973)	0360730 01415	PGS, 2015	TS, 2010	Văn học	2001			24	1	2	
40	Đặng Thu Thủy (11-08-1977)	0361770 07567	PGS, 2016	TS, 2010	Văn học	X		0103 0049 96	23	2	1	
41	Nguyễn Thị Minh Thương (25-08-1986)	0251860 01080, Việt Nam		Tiến sĩ, Trung	Văn học	2011		0110 1723 87	13	1	1	

				Quốc, 2015								
42	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02/10/1980)	0381800 18157		TS, Việt Nam, 2015	Văn học Việt Nam	2005		0106 0151 55	20	0	2	
43	Đinh Minh Hằng (07-12-1986)	0011860 10404		TS, Vươn g Quốc Anh, 2017	Văn học So sánh	x 2010		0110 1723 88	15	0	2	
44	Hoàng Thị Kiều Anh (29/09/1999)	0221990 11249		ThS, Việt Nam, 2023	Văn học Việt Nam	X 2024			0	0	0	

Ghi chú: Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

S T T	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyển	Học trực tiếp	Học trực tuyển	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Trần Thị Hoa Lê	Văn học trung đại Việt Nam	4	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
2	Nguyễn Việt Hùng	Văn học dân gian Việt Nam	3	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		Tiếng Việt trong văn hóa dân gian Việt Nam	6	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
3	Nguyễn Thanh Tùng	Văn học trung đại Việt Nam	4	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
4	Đỗ Thị Mỹ Phương	Văn học trung đại Việt Nam	4	3				chuyên môn phù hợp giảng

								dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		Tiếng Việt trong văn hóa dân gian Việt Nam	6	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		Tiếng Việt trong lĩnh vực khoa học công nghệ	4	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		Tiếng Việt trong lĩnh vực tôn giáo ở Việt Nam	5			3		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		Tiếng Việt trong hoạt động lễ hội ở Việt Nam	7			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
5	Trịnh Thùy Dương	Văn học trung đại Việt Nam	4	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
6	Trần Ngọc Hiếu	77. Tiếng Việt trong lĩnh vực nghệ thuật Việt Nam	7			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
7	Nguyễn Thị Hải Phuong	71. Ngôn ngữ và văn hóa	6			2		chuyên môn phù hợp giảng

								dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
8	Đỗ Văn Hiếu	71. Ngôn ngữ và văn hóa	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
9	Nguyễn Ngọc Minh	73. Tiếng Việt Báo chí - Truyền thông	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
10	Nguyễn Thu Hằng	77. Tiếng Việt trong lĩnh vực nghệ thuật Việt Nam	7			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
11	Vũ Thị Kiều Chinh	77. Tiếng Việt trong lĩnh vực nghệ thuật Việt Nam	7			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
12	Hoàng Thị Kiều Anh	49. VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI	5	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
13	Đặng Thị Hào Tâm	42. TỪ VỰNG NGỮ NGHĨA TIẾNG VIỆT	3	2				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		75. NGỮ DỤNG HỌC TIẾNG VIỆT	7			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
14		7. TIẾNG VIỆT: ĐỌC - VIẾT 1	1	3				chuyên môn phù hợp giảng

	Nguyễn Thị Thu Thủy							dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		31. THỰC TẾ NGÔN NGỮ TẠI CƠ SỞ DOANH NGHIỆP	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		40. DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC	2	2				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		41. NGỮ ÂM HỌC TIẾNG VIỆT	3	2				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		57. TIẾNG VIỆT: ĐỌC - VIẾT 2	1			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		71. NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		73. TIẾNG VIỆT BÁO CHÍ - TRUYỀN THÔNG	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
15	Đặng Thị Thu Hiền	6. TIẾNG VIỆT NGHE – NÓI 1	1	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		23. KĨ NĂNG THUYẾT TRÌNH TIẾNG VIỆT	5	3				chuyên môn phù hợp giảng

								dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		24. KỸ NĂNG TẠO LẬP VĂN BẢN TIẾNG VIỆT	5	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		26. KỸ NĂNG GIAO TIẾP TIẾNG VIỆT	5			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		27. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM	5			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		30. THỰC TẾ NGÔN NGỮ TẠI CƠ SỞ HÀNH CHÍNH – VĂN HÓA	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		34. KỸ NĂNG TỔ CHỨC CÔNG VIỆC VÀ QUẢN LÝ THỜI GIAN	7			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		35. KỸ NĂNG ĐẶT MỤC TIÊU - TẠO ĐỘNG LỰC LÀM VIỆC	7			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		40. DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC	2	2				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		41. NGỮ ÂM HỌC TIẾNG VIỆT	3	2				chuyên môn phù hợp giảng

							dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	43. NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT	4	4				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	44. NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU	5	2				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	45. PHONG CÁCH HỌC TIẾNG VIỆT	5	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	50. NGHỀ NGHIỆP VÀ TỪ CHỈ NGHỀ NGHIỆP Ở VIỆT NAM	5	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	53. TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP	4	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	54. TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	4	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	55. TIẾNG VIỆT THƯƠNG MẠI	4	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	56. TIẾNG VIỆT: NGHE – NÓI 2	1			2		chuyên môn phù hợp giảng

							dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		58. TIẾNG VIỆT: NGHE – NÓI 3	2			3	chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		59. TIẾNG VIỆT: ĐỌC - VIẾT 3	2			3	chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		60. TIẾNG VIỆT: NGHE - NÓI 4	2			2	chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		61. TIẾNG VIỆT: ĐỌC - VIẾT 4	2			2	chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		62. TIẾNG VIỆT DU LỊCH	4			3	chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		63. PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG ĐỌC TIẾNG VIỆT (ĐỌC - DỊCH)	4			3	chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		64. PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NGHE TIẾNG VIỆT (NGHE - DỊCH)	4			3	chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		65. PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG VIẾT TIẾNG VIỆT	5			3	chuyên môn phù hợp giảng

								dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		67. LỊCH SỬ TIẾNG VIỆT	5			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		69. TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH VỰC ĐỊA LÍ, LỊCH SỬ VIỆT NAM	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		72. TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ, PHÁP LUẬT VIỆT NAM	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		73. TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT VIỆT NAM	7			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
16	Nguyễn Thị Hồng Ngân	7. TIẾNG VIỆT: ĐỌC - VIẾT 1	1	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		23. KĨ NĂNG THUYẾT TRÌNH TIẾNG VIỆT	5	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		24. KĨ NĂNG TẠO LẬP VĂN BẢN TIẾNG VIỆT	5	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		26. KĨ NĂNG GIAO TIẾP TIẾNG VIỆT	5			2		chuyên môn phù hợp giảng

								dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		30. THỰC TẾ NGÔN NGỮ TẠI CƠ SỞ HÀNH CHÍNH – VĂN HÓA	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		31. THỰC TẾ NGÔN NGỮ TẠI CƠ SỞ KINH TẾ - DOANH NGHIỆP	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		40. DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC	2	2				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		41. NGỮ ÂM HỌC TIẾNG VIỆT	3	2				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		43. NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT	4	4				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		44. NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU	5	2				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		45. PHONG CÁCH HỌC TIẾNG VIỆT	5	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		50. NGHỀ NGHIỆP VÀ TỪ CHỈ NGHỀ NGHIỆP Ở VIỆT NAM	5	3				chuyên môn phù hợp giảng

								dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	51. TỘC NGƯỜI VÀ NGÔN NGỮ CỦA CÁC TỘC NGƯỜI Ở VIỆT NAM	6	2					chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	53. TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP	4	3					chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	54. TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	4	3					chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	55. TIẾNG VIỆT THƯƠNG MẠI	4	2					chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	57. TIẾNG VIỆT: ĐỌC - VIẾT 2	1				2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	58. TIẾNG VIỆT: NGHE – NÓI 3	2				3		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	60. TIẾNG VIỆT: NGHE – NÓI 4	2				2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	63. PHÁT TRIỂN KĨ NĂNG ĐỌC TIẾNG VIỆT (ĐỌC - DỊCH)	4				3		chuyên môn phù hợp giảng

							dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	64. PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NGHE TIẾNG VIỆT (NGHE - DỊCH)	4			3		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	65. PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG VIẾT TIẾNG VIỆT	5			3		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	67. LỊCH SỬ TIẾNG VIỆT	5			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	68. PHƯƠNG NGỮ TIẾNG VIỆT	5			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	69. TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH VỰC ĐỊA LÍ, LỊCH SỬ VIỆT NAM	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	72. TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ, PHÁP LUẬT VIỆT NAM	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	73. TIẾNG VIỆT BÁO CHÍ – TRUYỀN THÔNG	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
	77. TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT VIỆT NAM	7			2		chuyên môn phù hợp giảng

								dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
17	Lương Thị Hiền	6. TIẾNG VIỆT: NGHE – NÓI 1	1	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		23. KĨ NĂNG THUYẾT TRÌNH TIẾNG VIỆT	5	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		24. KĨ NĂNG TẠO LẬP VĂN BẢN TIẾNG VIỆT	5	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		26. KĨ NĂNG GIAO TIẾP TIẾNG VIỆT	5			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		40. DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC	2	2				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		41. NGỮ ÂM HỌC TIẾNG VIỆT	3	2				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		42. TỪ VỰNG NGỮ NGHĨA TIẾNG VIỆT	3	2				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		44. NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU	5	2				chuyên môn phù hợp giảng

								dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		50. NGHỀ NGHIỆP VÀ TỪ CHỈ NGHỀ NGHIỆP Ở VIỆT NAM	5	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		53. TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP	4	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		54. TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	4	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		59. TIẾNG VIỆT: ĐỌC - VIẾT 3	2			3		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		61. TIẾNG VIỆT: ĐỌC - VIẾT 4	2			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		62. TIẾNG VIỆT DU LỊCH	4			3		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		63. PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG ĐỌC TIẾNG VIỆT (ĐỌC - DỊCH)	4			3		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		64. PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NGHE TIẾNG VIỆT (NGHE - DỊCH)	4			3		chuyên môn phù hợp giảng

								dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		65. PHÁT TRIỂN KĨ NĂNG VIẾT TIẾNG VIỆT	5			3		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		67. LỊCH SỬ TIẾNG VIỆT	5			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		69. TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH VỰC ĐỊA LÍ, LỊCH SỬ VIỆT NAM	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		72. TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ, PHÁP LUẬT VIỆT NAM	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		75. NGŨ DỤNG HỌC TIẾNG VIỆT	7			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		77. TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT VIỆT NAM	7			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
18	Trần Kim Phụng	26. KĨ NĂNG GIAO TIẾP TIẾNG VIỆT	5	2				Chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		43. NGŨ PHÁP TIẾNG VIỆT	4	4				Chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án

		62. TIẾNG VIỆT DU LỊCH	4			3		Chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		67. LỊCH SỬ TIẾNG VIỆT	5			2		Chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
19	Đoàn Tiến Lực	26. KỸ NĂNG GIAO TIẾP TIẾNG VIỆT	5	2				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		38. THỰC TẬP TẠI CƠ SỞ 1	8	4				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		39. THỰC TẬP TẠI CƠ SỞ 2	8	4				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		50. NGHỀ NGHIỆP VÀ TỪ CHỈ NGHỀ NGHIỆP Ở VIỆT NAM	5	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		53. TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP	4	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		67. LỊCH SỬ TIẾNG VIỆT	5			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
20	Tạ Thành Tấn	41. NGŨ ÂM HỌC TIẾNG VIỆT	3	2				

		50. NGHỀ NGHIỆP VÀ TỪ CHỈ NGHỀ NGHIỆP Ở VIỆT NAM	5	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		51. TỘC NGƯỜI VÀ NGÔN NGỮ CỦA CÁC TỘC NGƯỜI Ở VIỆT NAM	6	2				
		53. TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP	4	3				
		68. PHƯƠNG NGỮ TIẾNG VIỆT	5			2		
21	Phạm Thị Thu Hương	25. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI	6	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		33. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC TIẾNG VIỆT	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
22	Trịnh Thị Lan	25. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI	6	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		33. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC TIẾNG VIỆT	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
23	Lê Thị Minh Nguyệt	25. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI	6	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		33. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC TIẾNG VIỆT	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án

24	Đoàn Thị Thanh Huyền	25. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI	6	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		33. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC TIẾNG VIỆT	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
25	Trần Hoài Phương	25. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI	6	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		33. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC TIẾNG VIỆT	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
26	Nguyễn Thế Hưng	25. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI	6	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		33. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC TIẾNG VIỆT	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
27	Đỗ Hải Phong	74. VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM	7			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
28	Nguyễn Linh Chi	74. VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM	7			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án

29	Nguyễn Mai Liên	74. VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM	7			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
30	Thành Đức Hồng Hà	74. VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM	7			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
31	Nguyễn Thị Mai Chanh	74. VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM	7			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
32	Trần Thị Thu Hương	74. VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM	7			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
33	Nguyễn Hoàng Mai	74. VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM	7			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
34	Hà Văn Minh	Từ Hán Việt – lý thuyết và thực hành	6	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		Ảnh hưởng Nho, Phật, Đạo với văn hóa Việt Nam	6			3		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		Điền dã ngôn ngữ - văn hóa	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án

		Ngôn ngữ và văn hoá	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
35	Nguyễn Thị Thanh Chung	Từ Hán Việt – lý thuyết và thực hành	6	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		Ảnh hưởng Nho, Phật, Đạo với văn hóa Việt Nam	6			3		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
36	Đương Tuấn Anh	Từ hán việt – lý thuyết và thực hành	6	3				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		Ảnh hưởng Nho, Phật, Đạo với văn hóa Việt Nam	6			3		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		Ngôn ngữ và văn hoá	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		Kỹ năng làm việc nhóm	5			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		Kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian	7			2		chuyên môn phù hợp giảng

								dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		Kỹ năng đặt mục tiêu - tạo động lực làm việc	7			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		Thực tập tại cơ sở 1	8	4				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		Thực tập tại cơ sở 2	8	4				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
37	Nguyễn Thị Tú Mai	Từ Hán Việt – lý thuyết và thực hành	6	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		Ảnh hưởng Nho, Phật, Đạo với văn hóa Việt Nam	6			3		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		Điền dã ngôn ngữ - văn hóa	6			2		chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
38	Phùng Diệu Linh	Từ Hán Việt – lý thuyết và thực hành	6	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
		Ảnh hưởng Nho, Phật, Đạo với văn hóa Việt Nam	6			3		chuyên môn phù hợp giảng

								dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
39	Nguyễn Bá Trung	Từ Hán Việt – lý thuyết và thực hành	6	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
40	Trần Văn Toàn	49. VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI (Vietnamese modern literature)	5	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
41	Đặng Thu Thủy	49. VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI (Vietnamese modern literature)	5	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
42	Nguyễn Thị Minh Thương	49. VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI (Vietnamese modern literature)	5	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
43	Nguyễn Thị Tuyết Nhưng	49. VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI	5	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
44	Đinh Minh Hằng	49. VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI	5	3				chuyên môn phù hợp giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án

Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	Hà Văn Minh - Trưởng Khoa	TS, 2007	Hán Nôm	
2	Dương Tuấn Anh - Phó trưởng Khoa	TS, 2009	Văn học	
3	Lương Thị Hiền - Phó trưởng Khoa	TS, 2014	Ngôn ngữ	

2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Đường link minh chứng đề tài khoa học: <https://s.net.vn/9AYh>

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐK H nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm m thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
1	SPHN-14-370	Cơ sở	Thơ văn Cần Vương nửa cuối thế kỉ XIX - một số vấn đề quan	Trần Thị Hoa Lê	4088/QĐ-ĐHSP HN-	12/6/2017	Đạt		

			niệm nghệ thuật và phong cách tác giả		KHC N				
2	B2016-SHN-11	Bộ	Nghiên cứu thiết kế chủ đề học tập thuộc chương trình địa phương dựa trên ngữ liệu văn học dân gian	Nguyễn Việt Hùng	5373/QĐ-BGDĐT, ngày 13/12/2018	22/1/2019	Đạt	Lê Thị Thu Trĩnh Thị Lan Phạm Đăng Xuân Hương	
3	B2017-SPH-25	Bộ	Dạy học tác phẩm văn học trung đại Việt Nam theo định hướng tích hợp tri thức liên ngành	Nguyễn Thanh Tùng	2017	21/8/2019	Đạt	Đỗ Thị Mỹ Phương, Phạm Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Mạnh Hoàng, Phạm Văn Hưng	
4	SPHN-12-148	Cơ sở	Kiểu nhân vật mang màu sắc kì ảo trong truyện truyền kì Việt Nam thời trung đại	Đỗ Thị Mỹ Phương	43/QĐ - ĐHSP HN-KHC N	06/01/2015	Đạt		

5	09- NCS-	Cơ sở	Một số khuynh hướng tiếp cận bản chất trò chơi của văn học trong lí thuyết khoa học nhân văn hiện đại	Trần Ngọc Hiếu		Tháng 6- 2010	Đạt		
6	B2019 – SPH-04	Bộ	Lí thuyết văn học hiện đại trên thế giới và đổi mới giáo trình lí luận văn học ở Việt Nam hiện nay	Đỗ Văn Hiếu	28/12/ 2018	2022	Đạt		
7	SPHN - 15 - 438	Cơ sở	Phê bình sinh thái – khuynh hướng nghiên cứu văn học mới và ứng dụng ở Việt Nam	Đỗ Văn Hiếu	12/20 16	6/2017	Đạt		
8	SPHN - 16-	Cơ sở	Mĩ học tiếp nhận (trường phái Konstanz – Đức) và khả năng ứng dụng trong bối cảnh văn hóa mới	Đỗ Văn Hiếu	12/20 14	12/2015	Đạt		
9	SPHN – 07-180 – ĐHSP	Cơ sở	Một số chức năng của lời tiên dẫn nhập trong sự kiện lời nói thỉnh cầu, sự kiện lời nói kết tội.	Đặng Thị Hảo Tâm	1/200 7	12/ 2008	Đạt		
10	SPHN – 01-110 – ĐHSP	Cơ sở	Trường thực vật với 4 mùa xuân – hạ - thu – đông trong thơ nông Đường luật thế kỉ XV –	Đặng Thị Hảo Tâm	1/201 0	5/ 2011	Đạt		

			thế kỉ XVII và đặc điểm tâm lí, văn hóa của người Việt						
11	B2017 – SPH-04	Bộ	Ấn dụ ý niệm (Một số phạm trù cơ bản)	Đặng Thị Hảo Tâm	1/2017	12/2018	Đạt		
12	QĐ 1345 / QĐ UBND ngày 12 tháng 6 năm 2019 – UBND tỉnh Sơn La.	Tỉnh	Nghiên cứu biên soạn Từ điển lịch sử , văn hóa tỉnh Sơn La,	Đặng Thị Hảo Tâm	6/2019	6/2022	Đạt		
13	SPHN – 05-187 – ĐHSP	Cơ sở	Vận dụng lí thuyết giao tiếp và điểm nhìn ngôn ngữ vào dạy học tác phẩm văn chương ở trường THPT	Nguyễn Thị Thu Thủy		04/01/2007	Đạt		
14	SPHN – 07-157 - ĐHSP Hà Nội	Cơ sở	Hình thành khái niệm và quy tắc sử dụng tiếng Việt cho học sinh THPT	Nguyễn Thị Thu Thủy		15/01/2010	Đạt		
15		Đề tài cấp Trường	Đặc điểm của giao tiếp quy thức	Lương Thị Hiền			Đạt	Nguyễn Thị Hồng Ngân	

16	18/2007/ HĐ- KHCN, 8/8/2007 B.2007- 18-18	Đề tài cấp Bộ	Các phương pháp phân tích ngữ pháp (Trên ngữ liệu tiếng Việt)	Trần Kim Phượng		3/2/2010	Đạt	Trần Kim Phượng	
17	B2013- 17-30	Đề tài cấp Bộ	Nghiên cứu lịch sử phát triển chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn THPT của Việt Nam từ năm 1945 đến nay	GS. TS Lã Nhâm Thìn		5/2017	Đạt	Đỗ Ngọc Thống, Phạm Thị Thu Hương, Trịnh Thị Lan, Phạm Thị Thu Hiền	
18	SPHN- 08-207, Trường ĐHSP Hà Nội	Đề tài cấp Trường	Xây dựng nội dung thực hành Phương pháp dạy học Tiếng Việt	Trịnh Thị Lan		19/1/2010	Đạt		
19	SPHN- 09-405 NCS, Trường ĐHSP Hà Nội	Đề tài cấp Trường	Vận dụng ngôn ngữ học văn bản vào dạy học đọc hiểu truyện dân gian ở Trung học cơ sở	Trịnh Thị Lan		31/5/2010	Đạt		
20	SPHN- 12- 144, Trư ờng	Đề tài cấp	Một số biện pháp tích hợp Ngữ - Văn trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông	Trịnh Thị Lan		16/1/2014	Đạt		

	ĐHSP Hà Nội	Trường							
21	SPHN13 -256	Cơ sở	Một số biện pháp nâng cao “tâm đón nhận” của học sinh THPT trong giờ dạy học tác phẩm văn chương.	Đoàn Thị Thanh Huyền	321/Q Đ- ĐHSP HN- KHC N; 21/1/2 015	29/1/2015	Đạt		
22	SPHN- 2013- 317	Cơ sở	Ứng dụng lí thuyết bản đồ tư duy trong dạy học tìm ý, lập ý cho bài văn nghị luận ở THPT	Trần Hoài Phương	2015	2015	Đạt		
23	SPHN17 -14	Cơ sở	Phát triển năng lực giao tiếp cho HS THPT qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo môn Ngữ văn	Trần Hoài Phương	2017	2021	Đạt		
25	SPHN 22-33	Cơ sở	Tổ chức phát triển năng lực dạy học đọc hiểu văn bản đa phương thức cho sinh viên cử nhân sư phạm Ngữ văn	Nguyễn Thế Hưng	2022	2024	Đạt	Nguyễn Thế Hưng, Trần Hoài Phương	
26	SPHN07 -113	Cơ sở	Mối quan hệ giữa tôn giáo và văn học Ấn Độ	Nguyễn Mai Liên	2008	2009	Đạt		

27	367/ĐH SPHN	Cơ sở	Xây dựng, đưa lên mạng, khai thác các bài giảng điện tử ở diện rộng, môn Văn học châu Á	Nguyễn Thị Mai Liên	2009	2010	Đạt		
28	12-145- ĐHSPH N	Cơ sở	Nghệ thuật văn xuôi Y. Kawabata	Nguyễn Thị Mai Liên	2012	2013	Đạt		
29	SPHN - 09 - 360NCS	Cơ sở	Đặc trưng kết cấu lời nói nghệ thuật trong văn xuôi của Puskin	Thành Đức Hong Hà	2009	2010	Đạt		
30	SPHN - 12-143	Cơ sở	Cấu trúc truyện kể trong văn xuôi của A.S.Pushkin	Thành Đức Hong Hà	2012	2013	Đạt		
31	B2015.1 7.66	Cấp Bộ	Quá trình hiện đại hoá của văn học Trung Quốc giai đoạn nửa cuối TK XIX- nửa đầu TK XX	Nguyễn Thị Mai Chanh		2017	Đạt		
32	B2006- TN04- 09	Cấp Bộ	Nghệ thuật trần thuật trong hai tập "Gào thét" và "Bàng hoàng" (qua các tác phẩm kể theo ngôi thứ ba) của Lỗ Tấn	Nguyễn Thị Mai Chanh		2008	Đạt		
33	(Mã số: SPHN 19- 08TT)	Cơ sở	Nghiên cứu thi pháp đời Đường và ứng dụng tìm hiểu thi pháp trung đại Việt Nam	Trần Thị Thu Hương	2019	2020	Đạt		

34	2014	Bộ	Nghiên cứu, so sánh, xác lập thiện bản bộ sách Toàn Việt thi lục	Hà Văn Minh	2013	2014	Đạt		
35	Mã số: SPHN 13-315	Cơ sở	Vấn đề văn bản và cách sử dụng chữ Hán của Phùng Khắc Khoan trong Ngôn chí thi tập	Phùng Diêu Linh		2015	Đạt		
36	B2015-17-65	Bộ	Tiến trình xác lập hồ sơ và nghiên cứu tác giả văn học Hán Nôm Việt Nam.	Nguyễn Thị Thanh Chung		2017	Đạt	Nguyễn Thị Thanh Chung, Nguyễn Ngọc San, Hà Văn Minh, Dương Tuấn Anh, Nguyễn Thị Tú Mai, Phùng Diêu Linh	
37	B2012-17-24	Bộ	Lý thuyết diễn ngôn của M. Foucault và những ứng dụng trong nghiên cứu văn học sử (trên thực tiễn văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX đến năm 1945)	Trần Văn Toàn		19/03/2015	Đạt		

38	SPHN-107	Trường	Thơ nữ Việt Nam những năm đầu thế kỉ XXI	Đặng Thu Thủy	2012	2013	Đạt		
39	SPHN-	Trường	Thơ trữ tình Việt Nam từ giữa thập kỉ 80 đến nay: những đổi mới về phương diện hình thức		2008	2009	Đạt		
40	B2020-03-MT	Bộ	Tài liệu văn hóa sinh thái cho giáo viên trung học cơ sở	Nguyễn Thị Minh Thương	12/2019	12/2020	Đạt		
41	SPHN18-06	Cơ sở	Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh THCS qua môn Ngữ văn	Nguyễn Thị Minh Thương	12/2018	6/2020	Đạt	Nguyễn Thị Minh Thương, Trần Hoài Phương	
42	ĐHSP-07-116	Cơ sở	Phạm Thị Hoài và những ảnh hưởng của dòng văn học phi lý từ Franz Kafka	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	2007	12/2008	Xuất sắc		
43	SPHN-10-622 NCS	Cơ sở	Tình hình nghiên cứu về văn xuôi tiếng Việt ở hải ngoại sáng tác trong giai đoạn từ sau năm 1975 đến nay	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	2010	1/2013	Tốt		

44	SPHN-09-351 NCS	Cơ sở	Nhân vật trung tâm trong tiểu thuyết của James Joyce – Những biến thể	Nguyễn Linh Chi		11/6/2010	Đạt		
45	SPHN – 14 – 408 Ngữ văn	Cơ sở	Mẫu gốc trong tiểu thuyết của James Joyce	Nguyen Linh Chi		4/8/2016	Đạt		
46	SPHN-09-409NCS	Cơ sở	Văn học kí như một hình thức diễn ngôn (dịch và giới thiệu những khái niệm cơ bản)	Nguyễn Thị Ngọc Minh (chủ trì)			Đạt		
47	SPHN	Cơ sở	Kí như một hình thức diễn ngôn (khảo sát trên tư liệu kí Việt Nam 1930-1945)	Nguyễn Thị Ngọc Minh (chủ trì)			Đạt		
48		Bộ	Nghiên cứu đề xuất mô hình Sách giáo khoa Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực người học	Đỗ Hải Phong			Đạt		
49		Cơ sở	Phát triển năng lực giao tiếp cho HS (vận dụng quan điểm dụng học) qua bài học Ngữ văn THCS	Lê Thị Minh Nguyệt		2017	Đạt		
50	B2016-SHP-14	Cấp Bộ	Mã văn hóa trong tác phẩm của James Joyce	Nguyễn Linh Chi		2018	Đạt		

Mẫu 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

Đường link minh chứng công trình khoa học: <https://s.net.vn/e5nx>

S T T	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Dương Tuấn Anh, Nghệ thuật biên văn trong <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> , Tạp chí Nghiên cứu văn học, ISSN: 1859-2856, số 2 (276), 2020, trang 32-44.	
2	Dương Tuấn Anh, Vương Thị Hường, Phạm Hoàng Giang, <i>Shennong in Vietnamese Culture</i> , 베트남연구 제 19권 1호 (Tạp chí Nghiên cứu Việt Nam tập 19, số 1), ISSN: 2005-5331, tháng 6 năm 2021, trang 29-60, Dương Tuấn Anh (tác giả chính)	
3	Dương Tuấn Anh, Vương Thị Hường, 越南文化流脈中的神農信仰, 成大中文學報 (Journal of Chinese Literature of National Cheng Kung University), 國立成功大學中文系, 第81期 2023 年 6 月, ISSN:1817-0021, trang 99-124 (viết chung: 王氏紅、楊俊英),	
4	Dương Tuấn Anh, Vương Thị Hường, · <i>New Discourse of the Shennong Symbol in Vietnam</i> , Journal of Law and Sustainable Development 2023-11-15, Journal article, Author DOI: https://doi.org/10.55908/sdgs.v11i11.1728 , Part of ISSN: 2764-4170	
5	Trịnh Thùy Dương, Nguyễn Thanh Tùng (2023), 廿世紀初《劉香演義寶卷》在越南南部的創作 與傳播過程研究§ Baojuan of Liu Xiang in Vietnam: An Adaptation and Transmission Process in Early-20th-century Southern Vietnam, 臺灣東亞文明研究學刊 (Taiwan Journal of East Asian Studies), 第1期 (No1) (總第39期) (WoS)	
6	Trịnh Thùy Dương, Nguyễn Thanh Tùng (2020), “Tiên nhân Phạm Viên – một nhân vật đáng chú của Đạo giáo Việt Nam hậu kì trung đại”, 베트남연구 <i>Journal of Vietnamese Studies</i> , ISSN: 2005-5331, <i>Vietnamese Studies Association</i> , South Korea, Volume 18, No.2 (2 tác giả).	

7	Nguyễn Thanh Tùng, Trịnh Thuỳ Dương (2020), “Vue d’ensemble des œuvres littéraires des diplomates vietnamiens envoyés en France à la fin de XIXe siècle, <i>Hanoi-Paris: un nouvel espace des sciences humaines</i> , Edition Kimé, Paris, pp.248 - 260.	.
8	Mai Hoang Nguyen (2023), ‘ <i>Belonging by Not Belonging: Nomadism in Maeve Brennan's "The Long Winded Lady"</i> ’, <i>Exclamation: An Interdisciplinary Journal</i> , Issue 7, Summer 2023, ISSN 2515-0332, pp.63-75.	
9	Đoàn Tiến Lực (2020), <i>Từ lời đối thoại trong tác phẩm văn học nguồn đến lời đối thoại trong phim truyện điện ảnh chuyển thể</i> , Tạp chí Nghiên cứu Sân khấu và Điện ảnh, tr.30-39, số 26.	
10	Đoàn Tiến Lực (2021), <i>Cơ sở nhận diện các thành phần trong cấu trúc thông tin của câu tiếng Việt</i> , Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống, tr. 20-26, số 1(307).	
11	Đoàn Tiến Lực (2021), <i>Vai trò của cấu trúc thông tin trong văn bản</i> , Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống, tr. 24-30, số 5A(311).	
12	Đoàn Tiến Lực (2022), <i>Những kết hợp bất thường trong ngôn ngữ thơ Nguyễn Phúc Lộc Thành</i> , Tạp chí Ngôn ngữ, tr. 22-30, số 5.	
13	Đoàn Tiến Lực (2023), <i>Từ láy trong thơ Nguyễn Phúc Lộc Thành</i> , Tạp chí Ngôn ngữ, tr. 10-17, số 4 (2023).	
14	Đoàn Tiến Lực (2024), <i>Fuck, shit trong lời thoại phim truyện điện ảnh Mỹ và vấn đề dịch sang tiếng Việt</i> , Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế “Những khuynh hướng ngôn ngữ học hiện đại: lý thuyết và ứng dụng”, NXB ĐHQG Hà Nội.	
15	Đoàn Tiến Lực (2024), <i>Quan niệm về ngữ pháp của các nhà lập thuyết ngữ pháp tri nhận</i> , Tạp chí Ngôn ngữ, tr. 51-58, số 12.	
16	Tran Thi Hoa Le, Question in reverse style and the inspiration of self-claim in Nguyen Khuyen poems, HNUE Journal of Science, Volume 62, Issue 5, 2017, p. 47-55.	
17	Trần Thị Hoa Lê, Giá trị đạo đức Phật giáo trong thơ văn trung đại Việt Nam, Tạp chí <i>Nghiên cứu Văn học</i> , số 5, 2019, tr. 57-67.	
18	Trần Thị Hoa Lê, Nguyễn Linh Chi, Tiếng cười nghịch dị - phần thực trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương với văn hóa trào tiếu và tín ngưỡng dân gian Việt Nam, In trong <i>Nữ sĩ Hồ Xuân Hương (1772-1822) – danh nhân văn hóa và giá trị di sản</i> , Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế, Nxb Nghệ An, 2022, tr. 864-881	
19	Trần Thị Hoa Lê, Giải mã một số biểu tượng trong truyện thơ Nôm Nguyễn Đình Chiểu, In trong <i>Thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu – Hướng tiếp cận và thành tựu nghiên cứu mới</i> , Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023, tr. 649-662	
20	Nguyen Linh Chi, <i>James Joyce trong và ngoài tác phẩm nghệ thuật</i> , Tạp chí Nghiên cứu văn học, 2019.	

21	Nguyễn Linh Chi, <i>Dạy và học kịch nước ngoài trong nhà trường theo loại thể</i> , Kì yếu Hội thảo Nghiên cứu và giảng dạy tác phẩm văn học theo thể loại, NXB Đại học Sư phạm, H. 2020, ISBN:978-604-54-6924-8 Số đăng kí xuất bản: 1897-2020/CXBIPH/3-84/ĐHS	
22	Nguyễn Linh Chi, <i>Truyện khoa học viễn tưởng - Điểm mới trong chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018; Văn học và Ngôn ngữ trong thế giới đương đại, bản sắc và hội nhập</i> ; Nhà xuất bản Giáo dục Việt nam; 2022; 811 trang	
23	Nguyễn Linh Chi; <i>The conflict between indigenous and imperial culture in James Joyce's works; AIP Conference Proceedings</i> ; 2021; 2406, 1-5; HTQT	
24	Nguyễn Linh Chi, <i>Cảnh quan vườn trong Kiêu hãnh và định kiến của Jane Austen, Cảnh quan Việt Nam trong văn học và điện ảnh - Những tiếp cận xuyên văn hoá</i> ; Nhà xuất bản Đại học Quốc gia HÀ Nội, 2023; 621 trang	
25	Nguyễn Linh Chi; <i>The indifferent look in Albert Camus's The Stranger and Duong Nghiem Mau's Tuoi nuoc doc</i> ; HNUC Journal of Science, 2022; 4; 3-11	
26	Nguyễn Linh Chi, <i>Đọc Tới ngọn hải đăng của Virginia Woolf từ lí thuyết phê bình cảnh quan</i> ; Tạp chí Khoa học - Đại học Sư phạm Hà Nội; 2024; 2, 3-13	
27	Nguyễn Thị Thanh Chung (2020), 基於漢文字視角的漢越要素系統研究, 漢字研究 (1/2020), p.279 – 318	
28	Nguyễn Thị Thanh Chung (2021), “Khảo luận tầm nguyên từ ghép Hán Việt có cơ chế ngữ âm tương đồng với từ láy”, <i>Tạp chí Hán Nôm</i> , số 2 năm 2021, tr.3 – tr.20.	
29	Nguyễn Thị Thanh Chung (2021), Tầm nguyên và khảo luận danh xưng của thể loại văn học trung đại Việt Nam, <i>Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư</i> , số 2 năm 2021, tr.11-18..	
30	Nguyễn Thị Thu Thủy, Phan Lê Thục Hiền, <i>Mã trộn trong tiêu đề phim truyện Việt Nam</i> , Tạp chí Ngôn ngữ, số 10/2021, tr. 11-21.	
31	Trần Kim Phụng, Nguyễn Thị Thu Thủy, <i>Từ “như” trong tiếng Việt nhìn từ lí thuyết của Ngữ pháp chức năng</i> , <i>Hội thảo quốc tế</i> , 2023, NXB Đại học Quốc gia, 2024, tr.932-947.	
32	Nguyễn Thị Thu Thủy, <i>Cấu trúc của bài thơ Lá Diêu bông</i> , Hội thảo khoa học quốc gia, NXB Dân Trí, 2024, ISBN: 978-604-40-2004-4.	
33	Nguyễn Thị Thu Thủy, <i>Đặc điểm cấu trúc truyện trinh thám</i> , Tạp chí Ngôn ngữ, số 12/2024, tr.11-21.	
34	Trần Thị Thu Hương, <i>Đọc hiểu tiểu thuyết chương hồi qua đặc trưng thể loại</i> , Tạp chí Nghiên cứu văn học, số 2, năm 2020, tr.21-31	
35	Trần Thị Thu Hương, <i>Thi pháp giai đoạn trung văn Đường – diện mạo và đặc điểm</i> , Tạp chí Lí luận phê bình văn học, nghệ thuật, số tháng 8/2020	

36	Trần Thị Thu Hương, <i>Kiểu nhân vật hung thủ trong tiểu thuyết Bác sĩ pháp y Tần Minh của Tần Minh</i> (viết chung), Tạp chí <i>Khoa học</i> , Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 1 năm 2023, tr. 69-79	
37	Thành Đức Hồng Hà, <i>Nguyễn Hữu Hiệu đọc Dostoevsky</i> (<i>Nguyen Huu Hieu reads Dostoevsky</i>), Tạp chí <i>Khoa học định hướng theo thực hành: Ả Rập Xê Út - Nga - Ấn Độ</i> , 2022, tr.38-47, ISBN 978-5-905695-87-5	
38	Thành Đức Hồng Hà, <i>Văn hóa trong giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài</i> , Tạp chí <i>Khoa học định hướng theo thực hành</i> , 2024, ISBN 978-5-905695-78-0	
39	Thành Đức Hồng Hà, <i>Giải mã con số trong Tội ác và hình phạt của F.Dostoevsky</i> , Văn học và ngôn ngữ trong thế giới đương đại bản sắc và hội nhập; 2022, ISBN 978-604-0-33262-2	
40	Nguyễn Thị Mai Liên, <i>Tiếp cận thơ haiku của M.Basho từ triết mỹ Thiền Nhật Bản</i> , <i>Haiku Việt</i> , NXB Hội Nhà văn ISBN 978-604-473-007-3, Hà Nội.	
41	Nguyễn Thị Mai Liên, <i>Transformation of French Literature in Hồ Biểu Chánh's Works from the Perspective of the Polysystem Theory</i> , Tạp chí <i>Khoa học VMOST Journal of Social Sciences and Humanities</i> , April 2024, Volume 66, Number 1, P-ISSN 2734-9748-E-ISSN 2815-6471	
42	Nguyễn Thị Mai Liên, <i>Tiếp nhận truyện Totto-chan bên cửa sổ của Kuroyanagi Tetsuko ở Đông Nam Á</i> , Kỷ yếu hội thảo quốc tế SEA Comparative Literature Conference, Viện Nghiên cứu Văn học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam 11/2023	
43	Nguyễn Thị Mai Liên, Nguyễn Đức Tuấn, <i>Đặc sắc nghệ thuật tiểu thuyết trinh thám của Higashino Keigo</i> , Kỷ yếu Hội thảo <i>Khoa học Quốc tế - 50 năm quan hệ Việt Nam - Nhật Bản - Quá khứ - hiện tại - tương lai</i> , Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam 9/2023	
44	Nguyễn Thị Mai Liên, Trần Diệu Trang, <i>Đặc điểm nghệ thuật truyện Totto-chan bên cửa sổ của Tetsuko Kuroyanagi</i> , Tạp chí <i>Nghiên cứu Đông Bắc Á</i> , 8/2022	
45	Nguyễn Thị Mai Liên, <i>Đào chìm của Trần Đăng Khoa từ góc nhìn phê bình sinh thái nhân văn</i> , <i>Nghiên cứu Văn học</i> , 9/2022	
46	Nguyễn Thị Mai Liên, Đỗ Phương Anh, <i>Sáng tác của Y. Banana từ góc nhìn văn học đại chúng</i> , Tạp chí <i>Nghiên cứu Đông Bắc Á</i> , số 2/2022	
47	Nguyễn Thị Mai Liên, Trần Ngọc Anh, <i>Tiếp biến sử thi Ramayana trong nghệ thuật rối bóng Wayang ở Indonesia</i> , Tạp chí <i>Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á</i> 2/2022	
48	Nguyễn Thị Mai Liên, Trần Huyền Trang, <i>Truyện trong lòng tay của Y. Kawabata từ lý thuyết Tân cảm giác</i> , Tạp chí <i>Nghiên cứu văn học</i> số 4/2022	
49	Nguyễn Thị Mai Liên, Thành Đức Hồng Hà, <i>The Phenomenon of Interference in Popular and Artistic Literature: Comparing Red Summer by Nguyễn Nhật Ánh and Goodbye Tsugum</i> , SUVANNABHUMI Vol. 14 No. 1 (January 2022)	

	https://doi.org/10.22801/svn.2022.14.1.161 , by Yoshimoto Banana From the Perspective of Japanese Shoujo Manga, Busan University of Foreign Languages, Korea p. 161 - 189, SUVANNABHUMI Vol. 14 No. 1 (January 2022) https://doi.org/10.22801/svn.2022.14.1.161 , by Yoshimoto Banana From the Perspective of Japanese Shoujo Manga, Busan University of Foreign Languages, Korea p. 161 - 189	
50	Nguyễn Thị Minh Thương, Lê Thị Hoài Thương, <i>Văn hoá truyền thống trong Hà Nội băm sáu phố phường của Thạch Lam</i> , Tạp chí Lí luận phê bình văn học nghệ thuật, số tháng 8/ 2020, tr. 118-125	
51	Nguyễn Thị Minh Thương, <i>Khái lược về quan niệm và thực tiễn biên soạn văn học sử tại Trung Quốc</i> , Tạp chí Nghiên cứu văn học, số tháng 8/ 2021, tr. 90-101	
52	Nguyễn Thị Minh Thương, <i>Tư tưởng sinh thái trong sáng tác của Diêm Liên Khoa</i> , Tạp chí Nghiên cứu văn học, số tháng 8/ 2021, tr. 90-101	
53	Nguyen Thi Minh Thuong, <i>Eco-cultural education for lower secondary students – a perspective from interdisciplinary education (preliminary survey based on grade 6 literature textbooks from “Connecting knowledge to life” series)</i> Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 5A, 2001, tr. 21-30	
54	Nguyen Thi Minh Thuong, <i>An ecocritical approach to Yan Lianke’s Literary Works</i> , The Routledge Companion to Yan Lianke (Routledge, Taylor & Francis Group) pp 311 – 321.	
55	Vũ Long Hiệp, Nguyễn Thị Minh Thương (2023), <i>Luân lí sinh tồn trong truyện ngắn của Nam Cao và Nguyễn Huy Thiệp</i> , Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 1, 2023, tr. 13-24.	
56	Nguyễn Thị Minh Thương (2023), <i>Truyện khoa học viễn tưởng Trung Quốc, lịch sử, diện mạo và đặc trưng thi pháp</i> , Tạp chí Lí luận phê bình văn học nghệ thuật, số tháng 9/ 2023	
57	Đỗ Văn Hiều: <i>Nghệ thuật trần thuật trong tiểu thuyết Đới Đẳng của Giả Bình Ao</i> , in trong Nghiên cứu và giảng dạy tác phẩm văn học theo thể loại (Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia) Nhà xuất bản Đại học Sư phạm. H. 2020 Mã ISBN: 978-604-54-6924-8	
58	Đỗ Văn Hiều, <i>Phương tiện truyền thông và sự phát triển của văn học</i> , Tạp chí Lí luận phê bình văn học nghệ thuật, ISSN 0494-6928, số tháng 2 năm 2021, tr.74-79	
59	Đỗ Văn Hiều; <i>"Lược khảo văn học - Bộ giáo trình giàu tính thực tiễn"</i> ; Tạp chí khoa học trường Đại học sư phạm Hà Nội; Năm 2021; số 1, tr.63-71	

60	Lê Hải Anh, Đỗ Văn Hiếu; <i>Quan niệm văn học là một loại hình nghệ thuật và vấn đề dạy- học văn trong trường phổ thông</i> ; Tạp chí Lí luận phê bình văn học nghệ thuật, số 5-2022, tr.69-75	
61	Van Hieu DO, Riccardo MORATTO: "The Reception of Yan Lianke's Fiction in Vietnam", Routledge Companion to Yan Lianke, edited by Riccardo Moratto and Howard Choy, March 11, 2022 Forthcoming by Routledge (Taylor & Francis Group), 572 pages	
62	Vu Hong Mai Phuong and Do Van Hieu; A comparative analysis of Vietnamese translations of The Old Man and the Sea by Ernest Hemingway; HNUE JOURNAL OF SCIENCE; Social Sciences 2024; Volume 69, Issue 4, pp. 12-19	
63	Đỗ Văn Hiếu; Tự sự học không gian: đột phá không gian trong nghiên cứu tự sự; Tạp chí Lí luận phê bình văn học nghệ thuật ISSN 0866-7349, số 10-2024; tr.97-105[#]	
64	Nguyễn Thị Mai Chanh (2024), Cao Hành Kiện và Nguyễn Huy Thiệp- Vài nét liên hệ về sự nghiệp và quan niệm sáng tác, Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội (ISSN 2354-1067) , Số 1, 15-21	
65	Nguyễn Thị Mai Chanh (2024), Bàn thêm về "Văn học so sánh" và sự hình thành, phát triển của ngành Văn học so sánh Trung Quốc, Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội (ISSN 2354-1067) , Số 3, Tập 69, tr. 14-22	
67	Nguyễn Thị Mai Chanh (2023), Sự phân chia "văn chương hoài hương" và "văn chương hương thổ" trong văn học Đài Loan , Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội (ISSN 2354-1067), 68 (1), tr. 62-68	
68	Nguyễn Thị Mai Chanh (2023), Tản văn Tiên Tần - Khởi đầu của văn xuôi Trung Hoa, Tạp chí Lý luận phê bình văn học - nghệ thuật, Số 5, tr. 156-164	
69	Nguyễn Thị Mai Chanh (2023), Dịch thuật và vấn đề tiếp nhận văn học nước ngoài, Tạp chí Lý luận Phê bình Văn học, Nghệ thuật (ISSN 0866-7349), Số 10, tr. 12-21	
70	Nguyen Thi Mai Chanh (2023), 重審中國學者對葉石濤「臺獨文學」的觀點, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế "Văn hoá, văn học Việt Nam - Trung Quốc trong bối cảnh thời đại số", Hiệp hội Văn hóa, Văn học Trung Quốc của Đài Loan xuất bản (ISBN 978-626-98006-0-5), 11/ 2023, , tr. 299-310	
71	Nguyễn Thị Mai Chanh (2022), Cấu trúc biểu tượng trong tiểu thuyết "Linh sơn" của Cao Hành Kiện, Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội (ISSN 2354-1067) , 67 (1), tr. 3-10	
72	Nguyễn Thị Mai Chanh (2022), Tình hình dịch thuật, xuất bản tác phẩm F. Dostoyevsky tại Trung Quốc và đôi nét liên hệ với Việt Nam, Tạp chí Lý luận Phê bình Văn học - Nghệ thuật (ISSN 0866-7349), Số 4, tr. 138-145	
73	Nguyễn Thị Mai Chanh (2022), Nhìn nhận lại ý kiến đánh giá về văn học đương đại Trung Quốc hay là đôi điều hồi cố "Sự kiện Kubin", Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia "Văn học và ngôn ngữ trong thế giới đương đại- Bản sắc và hội nhập"; Nxb Giáo dục Việt Nam, , tr. 49-55	

74	Nguyễn Thị Mai Chanh (2022), Tiếp nhận ảnh hưởng của các trào lưu tư tưởng phương Tây đối với văn học Trung Quốc nửa sau thế kỉ XX, Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội (ISSN 2354-1067) , 67 (3), tr. 3-9	
75	Nguyễn Thị Mai Chanh (2022), Dụng điển kết hợp chơi chữ đồng âm - Một nét thi pháp nổi bật trong thơ nôm Hồ Xuân Hương, Kỉ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế "Nữ sĩ Hồ Xuân Hương (1772-1822) - Danh nhân văn hoá và giá trị di sản", NXB Nghệ An (ISBN 978-604-376-186-3), tr. 469-478	
76	Nguyễn Thị Mai Chanh (2021), Mấy nhận xét về tiếp nhận "Truyện Kiều" của Nguyễn Du tại Trung Quốc, Kỉ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia "Những hướng tiếp cận mới trong nghiên cứu và giảng dạy về Nguyễn Du", Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội (ISBN 978-604-336295-4), , tr. 286-297	
77	Nguyễn Thị Mai Chanh (2021), Cảm thức hiện sinh trong tiểu thuyết của Diêm Liên Khoa, Tạp chí Nghiên cứu Văn học (ISSN 0494-6928), Số 6, tr. 53-60	
78	Nguyễn Thị Mai Chanh (2021), Hành trình "đi ra" hải ngoại của nữ nhà văn Trung Quốc đương đại- Tàn Tuyết, Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội (ISSN 2354-1067) , 66 (3), tr. 3-11	
79	Nguyễn Thị Mai Chanh (2021), Hai hiện tượng văn xuôi nổi bật của văn học Trung Quốc cuối thế kỉ XX, Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội (ISSN 2354-1067) , 66 (1), tr. 3-9	
80	Chanh Nguyen Thi Mai (2020), Existentialism sentiments in Yan Lianke's novels, Proceedings of The International Conference on Language, Literature and Culture Education (LLCE 2020), Vietnam Education Publishing House (ISBN 978-604-0-24664-6), , p. 325-330	
81	Nguyễn Thị Mai Chanh (2020), Tiểu thuyết võ hiệp - Từ Kim Dung đến Cổ Long, Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội (ISSN 2354-1067), 65 (2), tr. 3-9	
82	Nguyễn Thị Mai Chanh (2020), Thời kì hồi sinh của văn học Trung Quốc (1976-1990), Tạp chí Lý luận Phê bình Văn học - Nghệ thuật (ISSN 0866-7349), Số 1, tr. 123-128	
83	Nguyễn Thị Mai Chanh (2020), Sự chuyển biến trong quan niệm nghệ thuật của thơ đương đại Trung Quốc (1949-2000), Kỉ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia Nghiên cứu và giảng dạy tác phẩm theo thể loại, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội (ISBN 978-604-54-6924-8), , tr. 426-435	
84	Nguyễn Thị Mai Chanh (2020), Văn xuôi tự sự Trung Quốc thời kỳ 1949-1966, Tạp chí Lý luận Phê bình Văn học - Nghệ thuật (ISSN 0866-7349), Số 8, tr. 101-106	
85	Nguyễn Thị Mai Chanh (2020), Trào lưu thơ Mông lung trên thi đàn Trung Hoa nửa sau thế kỉ XX, Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội (ISSN 2354-1067), 65 (8), tr. 3-9	

86	Nguyen Thi Mai Chanh (2020), 近代中越两国文学现代化进程及其异同探究, 科教文汇 (ISSN 1672-7894), 491 (4), tr. 167-169	
87	Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Tú Mai (2020), <i>Người xưa dạy trẻ - Tam tự kinh và giáo dục ngữ văn ở Việt Nam</i> , Nxb KHXH, H.	
88	Khắc-Mạnh Trịnh, Văn-Thanh Nguyễn, Tú-Mai Thị Nguyễn (2023) “Chinese character variants in Vietnam’s Buddhist texts: A case study of the book <i>Chư phẩm kinh</i> (諸品經)”, <i>Journal of Chinese Writing Systems</i> , (Q2), 1–14, pp 46-59, DOI: 10.1177/25138502221145438.	
89	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (2020), <i>Vietnamese oversea prose from regional literary identity perspective</i> , HNUE Journal of Science, Volume 64, Issue 4d, pp.17-25.	
90	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (2021), <i>Truyện ngắn Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành của nhà văn Nguyễn Minh Châu và phim chuyển thể Người đàn bà mộng du của đạo diễn Nguyễn Thanh Vân, nhìn từ lý thuyết liên văn bản</i> , Tạp chí Lý luận Phê bình Văn học – Nghệ thuật, ISSN 0866-7349, 4.2021, tr.22-38.	
91	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (2022), <i>Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp nhìn từ phê bình luận lí học văn học</i> , Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Văn học và ngôn ngữ trong thế giới đương đại: Bản sắc và hội nhập”, Đại học Sư phạm Hà Nội, NXB Giáo dục Việt Nam, tr.492-503.	
92	Nguyễn Bá Trung (2022), " <i>Khảo luận về năm sinh, năm mất của Lê Khắc Cẩn</i> ", <i>Tuyển tập công trình nghiên cứu Ngữ văn học tập 6</i> , tr.453-462.	
93	Nguyễn Bá Trung, Nguyễn Thị Thanh Chung (2024), “ <i>Nghiên cứu văn bản thơ văn của Lê Khắc Cẩn</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 3 KHXH</i> , tr. 42 - 52	
94	Lư Nguyên Minh (2022), <i>Thuật hoài của Trần Quang Khải: văn bản và tác phẩm</i> , Tạp chí Hán Nôm, số 2, tr 45 - 52.	
95	Hà Minh (2023), Văn bản tác phẩm “Thái liên khúc” của Nguyễn Du, Hội thảo quốc gia, ĐH Thủ đô Hà Nội.	
96	Đặng Thu Thủy (2020), Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho HS THPT qua dạy học truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia, NXB ĐHSP	
97	Đặng Thu Thủy (2021), <i>Xuân Quỳnh, một đời thơ</i> , TC LLPB và VHNT, số 6	
98	Đặng Thu Thủy (2021), <i>Thơ Việt Nam từ sau 1986, một cái nhìn toàn cảnh</i> , TC Văn nghệ Quân đội, số 977	
99	Đặng Thu Thủy (2022), <i>Chiếc thuyền ngoài xa từ những góc nhìn</i> , TC Văn học và Tuổi trẻ, số tháng 3	
100	Đặng Thu Thủy, <i>Đường chữ Lê Đạt</i> , Văn học và ngôn ngữ trong thế giới đương đại, bản sắc và hội nhập, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia, NXB Giáo dục Việt Nam (2022)	

10 1	Đặng Thu Thủy, Nguyễn Thị Hải Yến (2022) , <i>Tính cách văn hoá Nam Bộ qua tập truyện ngắn Hương rừng Cà Mau của Sơn Nam</i> , Văn học và ngôn ngữ trong thế giới đương đại, bản sắc và hội nhập, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia, NXB Giáo dục Việt Nam	
10 2	Đặng Thu Thủy (2023), <i>Giao thoa nghệ thuật trong thơ Dương Tường</i> , TC KH ĐHSP số 2	
10 3	Phan Thị Hồng Xuân, Lê Thị Minh Nguyệt, <i>Xây dựng công cụ kiểm tra đánh giá trong dạy học chủ đề thơ Nguyễn Trãi ở lớp 10 theo chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018</i> , Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt kì 1 tháng 5, 2021 trang 16- 21 Lê Thị Minh Nguyệt, Phan Thị Hồng Xuân, <i>Xây dựng công cụ kiểm tra đánh giá trong dạy học chủ đề văn bản tự sự ở lớp 6 theo chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018</i> , Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt kì 1 tháng 5, 2021 trang 8-15	
10 4	Lê Thị Minh Nguyệt, Phan Thị Hồng Xuân (2022), <i>Xây dựng hồ sơ học tập để đánh giá năng lực học sinh trong dạy học môn Ngữ văn</i> , Hội thảo Quốc gia: Văn học và ngôn ngữ trong thế giới đương đại, bản sắc và hội nhập.	
10 5	Hien Thu Thi Pham, Nguyet Minh Thi Le*, Huyen Thanh Thi Doan, Hien Thi Luong (2023), <i>Examining Philology Teachers' Lesson Planning Competencies in Vietnam</i> , International Journal of Learning, Teaching and Educational Research Vol. 22, No. 6, pp. 121-136, June 2023	
10 6	Trịnh Thị Lan, Phan Nguyễn Trà Giang, Nguyễn Thị Diệu Khanh, Khảo sát nội dung dạy học viết văn nghị luận xã hội trong chương trình Ngữ văn 9 của bang Tennessee (Hoa Kỳ), TC khoa học ĐHSP Hà Nội, Vol.65, Iss.4, 2020, tr.3-11;	
10 7	Trinh Thi Lan, Nguyen Thi Cam Tu, Nguyen Thi Ngoc Anh, Survey on secondary school student'Sino-Vietnamese learning capabilities during in class activities on Philology, Vietnam Journal of Education, Vol.5.3, Iss.2, 6/2020, tr.17-241;	
10 8	Trinh Thi Lan, Nguyen Thi Dieu Khanh, Phan Nguyen Tra Giang Designing integrated teaching project for argumentative texts in 11th grade philology curriculum, Vietnam Journal of Education, Vol 4, Iss.3, 2021, tr. 17-24;	
10 9	Trịnh Thị Lan, Đoàn Hải Anh, Khảo sát ngữ liệu và câu hỏi định hướng dạy học đọc hiểu văn bản thông tin trong ba bộ sách giáo khoa Ngữ văn 10; Tạp chí Giáo dục, Năm 2022, Số Đặc biệt tháng 12;	
11 0	Lữ Hùng Minh, Trịnh Thị Lan, Trịnh Thị Hương, Thiết kế và hướng dẫn sử dụng sách khổ lớn (Bigbook) trong giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ 5-6 tuổi; Tạp chí Giáo dục, tập 23, số 24, 2023, tr 7-12;	
11 1	Trịnh Thị Lan, Đặng Như Bình, Nguyễn Quỳnh Anh, Hà Ngọc Huế, Đề xuất cách thức xây dựng website hỗ trợ dạy học văn bản thông tin theo hướng tích hợp giáo dục hướng nghiệp ở lớp 10, Tạp chí Giáo dục: Tập 24, Số 19 (tháng 10/2024),	

11 2	Brunelle, M., Leb, K., Tạ, T. T., & Đinh, L. G (2024). Voicing or register in Jarai dialects? Implications for the reconstruction of Proto-Chamic and for registrogenesis. <i>Journal of the International Phonetic Association</i> , 1-42.	
11 3	Ha, Tran Nguyen Ngan, Ta Thanh Tan & Nguyen Minh Ngoc (2024). An Investigation Into The Effect Of Textbook Adaptation on Secondary School Students' language Proficiency. <i>Journal of Science Educational Science</i> , 89-98.	
11 4	Tạ Thành Tấn (2024). Hệ thống thanh điệu thổ ngữ Nghi Ân (Vinh - Nghệ An). <i>Ngôn ngữ</i> , 12, 59-68.	
11 5	Tạ, Thành Tấn (2024). Ngôn ngữ Gen Z và các vấn đề đặt ra với giảng dạy tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn trung học phổ thông. [trong] <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Bước đầu bàn về nội dung quản lý Nhà nước về tiếng Việt</i> . Hà Nội: Bộ Giáo dục và Đào tạo, NXB Đại học Sư phạm, 180-192.	
11 6	Tạ, Thành Tấn, Marc Brunelle & Nguyễn Trần Quý (2022). Voicing and register in Ngäi Giao Chrau: Production and perception studies. <i>Journal of Phonetics</i> , 90:101115.	
11 7	Tạ, Thành Tấn (2021). Cơ chế luồng hơi, thời gian khởi thanh và những ứng dụng của chúng. <i>Ngôn ngữ</i> , 7, 12-31.	
11 8	Brunelle, Marc & Tạ Thành Tấn (2021). 29. Register in languages of Southeast Asia: the state of the art. In P. Sidwell & M. Jenny (Eds.), <i>The Languages and Linguistics of Mainland Southeast Asia: A comprehensive guide</i> , De Gruyter Mouton.	
11 9	Tạ, Thành Tấn (2021). Hệ thống thanh điệu tiếng Rục và quá trình hình thành thanh điệu trong các ngôn ngữ Vietic. <i>Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ - Khoa học Xã hội và Nhân văn</i> , 5(1), 955-975.	
12 0	Brunelle, Marc, Tạ Thành Tấn, James Kirby & Đinh Lư Giang (2020). Transphonologization of voicing in Chru: Studies in production and perception. <i>Laboratory Phonology</i> , 11(1), 1-33.	
12 1	Brunelle, M., Kirby, J., Tạ, T. T., & Giang, Đ. L. (2019). Obstruent devoicing and registrogenesis in Chru. In <i>19th International Congress of Phonetic Sciences</i> , 517-521.	
12 2	Tạ, T. T., Brunelle, M., & Nguyễn, T. Q. (2019). Chrau register and the transphonologization of voicing. S. Calhoun, P. Escudero, M. Tabain & P. Warren. In <i>Proceedings of the 19th International Congress of Phonetic Sciences</i> , 2094-98.	
12 3	Brunelle, M., Giang, Đ. L., & Tạ, T. T., (2023). Voicing and Register in Mong Râlâm. In <i>Proceedings of the 20th International Congress of Phonetic Sciences</i> . ID177, 5p.	
12 4	Đặng Thị Hào Tâm (2024), <i>Ý niệm HUỖN (nhà) trong tiếng Thái Việt Nam - có liên hệ với tiếng Việt</i> , Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Ngôn ngữ đối chiếu và đối chiếu các ngôn ngữ”, NXB Thế giới, tr 865 - tr 872.	
12 5	Đặng Thị Hào Tâm (2021), <i>Bức tranh ngôn ngữ về động vật trong “Quâm chiên lang” của dân tộc Thái Việt Nam</i> , Tạp chí ngôn ngữ, số 10, p 24 -34	

12 6	Trần Hoài Phương (2020). <i>Đánh giá hoạt động trải nghiệm môn Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực học sinh</i> . Tạp chí Giáo dục, số 476 (kì 2, tháng 4/2020), tr. 38-42	
12 7	Trần Hoài Phương (2020). <i>Building experiential learning activity model in teaching Literature towards developing students' competences</i> . Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP Hà Nội, Volume 65, Issue 4D, pp. 26-34	
12 8	Trần Hoài Phương (2020). <i>Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học truyền ngữ ngôn cho học sinh lớp 6 theo đặc trưng thi pháp thể loại</i> . Kì yếu Hội thảo Quốc gia Nghiên cứu và giảng dạy tác phẩm văn học theo thể loại, ĐHSP Hà Nội	
12 9	Hoai Phuong Tran, Quoc Tien Le (2020). <i>Current Situation and Management Solutions for Bilingual Education in Primary School</i> . International Journal of Innovation, Creativity and Change, www.ijicc.net Volume 11, Issue 3, 2020, pp. 466-482	
13 0	Trần Hoài Phương (2023). <i>Teaching writing informational texts to middle school students</i> . Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP Hà Nội, Volume 68, Issue 2A, tr. 15-26	
13 1	Lê Thị Quỳnh Trang, Trần Hoài Phương (2020). <i>Thiết kế trò chơi trải nghiệm để dạy học truyền thuyết cho học sinh lớp 6</i> . Tạp chí Giáo dục, số 489 (kì 1 - 11/2020), tr. 21-26	
13 2	Trần Hoài Phương (2021). <i>Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong giờ dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông</i> . Hội thảo Quốc gia Văn học và Ngôn ngữ trong thế giới đương đại: Bản sắc và Hội nhập, Trường ĐHSP Hà Nội	
13 3	Bùi Thị Hạnh Trang, Trần Hoài Phương (2024). <i>Xây dựng bài tập phát triển năng lực viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học cho học sinh lớp 7</i> . Kì yếu Hội thảo Quốc gia về Khoa học giáo dục, Trường ĐHSP Vinh, trang 938 - 951	
13 4	Bùi Minh Đức, Trần Hoài Phương (2024). <i>Đổi mới dạy học viết trong trường trung học – Nhìn từ yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018</i> . Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, tập 20, số 1, tr. 32-38	
13 5	Trần Ngọc Hiếu (2022), “Hanoi in Literature and Cinema” in trong <i>The Palgrave Encyclopedia of Urban Literary Studies</i> , Jeremy Tambling (ed.), Palgrave Macmillan, ISBN: 978-3-319-62418-1, trang 848-857.	
13 6	Trần Ngọc Hiếu (2022), “Nguyễn Trinh Thi’s <i>Letters from Panduranga</i> : Filmmaking as a Practice of Postcolonial Ecocriticism in Vietnam” in trong <i>Environment, Media, and Popular Culture in Southeast Asia</i> , Jason Paolo Telles, John Charles Ryan, Jeconiah Louis Dreisbach (ed.).Springer Singapore. trang 61-79, ISBN: 978-981-19-1129-3	
13 7	Trần Ngọc Hiếu (2023), “The Red River’s Mid-Island: Sketching an Alternative Narrative History of Hanoi’s Identity”, <i>Landscapes</i> , Volume (1) 2023, p.81-98, DOI: 10.1080/14662035.2023.2301840 (Q3, SCOPUS)	
13 8	Trần Ngọc Hiếu (2021), “Chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn học Việt Nam những năm đầu thế kỷ XXI: Diện mạo và tác động”. Tạp chí <i>Nghiên cứu văn học</i> , Số 10(596), trang 77-90	

13 9	Trần Ngọc Hiếu (2022), “Tự sự học sinh thái: Động hướng, triển vọng và thể nghiệm”, Tạp chí <i>Nghiên cứu văn học</i> , số 7(605), trang 38-52.	
14 0	Trần Ngọc Hiếu, (2020), “Thế giới tuổi già trong truyện ngắn sau 1975 của Nguyễn Minh Châu” in trong <i>Nguyễn Minh Châu trong tiến trình đổi mới văn học</i> , Nguyễn Đăng Điệp chủ biên, NXB Khoa học xã hội.	
14 1	Trần Ngọc Hiếu, (2021), <i>Văn học mạng Việt Nam: Xu hướng sáng tạo và tiếp nhận</i> , Trần Khánh Thành (chủ biên), Trần Ngọc Hiếu, Lê Trà My, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội	
14 2	Trần Ngọc Hiếu, Trần Hoàng Kiều Trang (2023), “Paul Gauguin và những cuộc gặp gỡ với văn học Việt Nam hiện đại”, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế Văn hóa và Giáo dục lần thứ III (ICCE 2022), NXB Đại học Huế, 2023, trang 89-110	
14 4	Nguyễn Thị Hồng Ngân –Nguyễn Thị Huyền My (2024), <i>Đặc điểm liên kết trong diễn ngôn quảng cáo du lịch</i> , Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống (số 5), tr. 33- 41	
14 5	Nguyễn Thị Hồng Ngân (2024), <i>Định kiến giới trong diễn ngôn quảng cáo truyền hình (khảo sát các chương trình quảng cáo trên kênh VTV1, VTV3, VTV9)</i> , Tạp chí Ngôn ngữ (số 12), tr.31 – 40	
14 6	Lương Thị Hiền (2023), "Xây dựng hệ thống bài tập đánh giá năng lực của học sinh trong môn Tiếng Việt trên nền tảng số", Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia <i>Phát triển năng lực cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý trong kỉ nguyên số</i> , NXB Dân trí.	
14 7	Lương Thị Hiền, Trịnh Khánh Hiền (2023), "Nghiên cứu đặc điểm của hiện tượng meme tiếng Việt từ góc độ phân tích diễn ngôn đa phương thức", Tạp chí <i>Khoa học</i> số 8, Đại học Sư phạm Hà Nội	
14 8	Lương Thị Hiền, Trịnh Khánh Hiền (2023), "Vận dụng meme tiếng Việt trong dạy học một số nội dung chương trình Ngữ văn". Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội. DOI: https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4816	
14 9	Pham Thi Thu Hien, Le Thi Minh Nguyet, Doan Thi Thanh Huyen, Luong Thi Hien (2023). Examining philology teachers' lesson planning competencies in Vietnam. <i>International Journal of Learning, Teaching and Educational Research</i> , 22(6), 121–136. DOI: https://doi.org/10.26803/ijlter.22.6.7	
15 0	Lương Thị Hiền (2023), "Ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ", Kỷ yếu hội thảo <i>Ngôn ngữ học máy tính</i> , NXB Dân trí.	
15 1	Lương Thị Hiền (2023), "Testing the performance of Vietnamese expats learning Vietnamese language on digital platforms", <i>Vietnam Social Science Review</i> , No5	
15 2	Lương Thị Hiền, Nguyễn Thu Hường (2023), "Xây dựng đề kiểm tra định kì môn Tiếng Việt ở tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018: Thực trạng và giải pháp", Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia <i>Chương trình Giáo dục môn Ngữ văn 2018 và sách giáo khoa Ngữ văn, Thực tiễn dạy học môn học và những vấn đề đặt ra cho đào tạo giáo viên</i> , NXB Thông tin và Truyền thông.	

15 3	Lê Phương Nga, Lương Thị Hiền (2023), "Lịch sử dạy học văn qua các bộ sách giáo khoa tiếng Việt: Tổng quan và một vài đề xuất", Hội thảo khoa học quốc gia <i>Bước đầu bàn về nội dung quản lý nhà nước về tiếng Việt</i> , NXB Đại học Sư phạm	
15 4	Đặng Thị Hào Tâm, Lương Thị Hiền (2024), "Xây dựng trò chơi dạy Học văn cho học sinh lớp 1 trên nền tảng số (theo sách Tiếng Việt 1- Kết nối tri thức với cuộc sống)", Hội thảo <i>Giáo sư Hoàng Tuệ - Ngôn ngữ trong đời sống xã hội</i> , NXB Dân Trí	
15 5	Nguyen Thu Huong, Pham Thi Thu Hien, Duong Tuyen Hanh, Luong Thi Hien, Nguyen Thi Nguyet (2024), Teaching Measures to Develop Literary Competence for Students in Grades 4 and 5 According to the Program General Education in Language (2018), VNU Journal of Science: Education Research [S.l.], mar. 2024., DOI: https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4877	
15 6	Lương Thị Hiền (2024), "Diễn ngôn tuyên bố về hệ giá trị cốt lõi của các trường đại học Việt Nam từ góc độ phân tích diễn ngôn phê phán", in trong Kỉ yếu hội thảo khoa học quốc tế “ <i>Những khuynh hướng ngôn ngữ học hiện đại: lý thuyết và ứng dụng</i> ”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.	
15 7	Luong Thi Hien (2024), “Designing a game for teaching Vietnamese as a heritage language for children on the foundation of multi-sensory education theory”, <i>Vietnam Social Sciences</i> , (2), 76. DOI: 10.56794/VSSR.5(217).81-95	
15 8	Lương Thị Hiền và Lê Phương Nga (2024), “Thực trạng và biện pháp phát triển tư duy phản biện cho sinh viên sư phạm trong sử dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh”, <i>Vinh University Journal of Science Education Science and Technology</i> , 53(Special Issue 2), 341–350. DOI: https://doi.org/10.56824/vujst.2024.hktgd180	
15 9	Lương Thị Hiền, Phạm Ngọc Minh, Đỗ Minh Trang, Nguyễn An Nguyên (2024). "Xây dựng chatbot Từ điển ngôn ngữ gen Z hỗ trợ giáo dục kỹ năng giao tiếp số cho thanh thiếu niên". Tạp chí <i>Ngôn ngữ & Đời sống</i> , 7(356).	
16 0	Lương Thị Hiền (2024), "Tổng quan nghiên cứu về “emoji” dưới góc độ lý thuyết kí hiệu học và kí hiệu học xã hội", Tạp chí <i>Ngôn ngữ học</i> , số 11.	
16 1	Trần Kim Phượng, <i>Ngụy biện trong truyện cười</i> , Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống, 5A. 2020 (tr13-21)	
16 2	Trần Kim Phượng, Ngô Xuân Khôi, <i>Bình diện kết học của danh từ tiếng Việt</i> , Kỉ yếu Hội thảo quốc tế, <i>Nguyễn Tài Cẩn, Tư tưởng, tác phẩm và kỉ niệm</i> , NXB Đại học Quốc gia HN, 2021, ISBN: 978-604-342-505-5	
16 3	Trần Kim Phượng, <i>Phân biệt câu phân loại theo mục đích phát ngôn theo lối trực tiếp và gián tiếp với hành động ngôn ngữ trực tiếp và gián tiếp</i> , Kỉ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Văn học và ngôn ngữ trong thế giới đương đại – Bản sắc và hội nhập, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021, ISBN 978-604-0-33262-2	

16 4	Trần Kim Phụng, Nguyễn Thị Nhung, <i>Câu phức tiếng Việt trên bình diện nghĩa biểu hiện</i> , Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Văn học và ngôn ngữ trong thế giới đương đại – Bản sắc và hội nhập, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021, ISBN 978-604-0-33262-2	
16 5	Trần Kim Phụng, <i>Những kết hợp đặc biệt trong cụm từ chính phụ tiếng Việt</i> , Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống, 6. 2023	
16 6	Trần Kim Phụng, <i>LAI “come-again” in Vietnamese from syntactic, semantic and pragmatic perspectives</i> , Researching and Applying Linguistics and Vietnamese Language Studies, Geolinguistic Society of Japan, Tokyo, 2023, DOI 10.5281/zenodo.8153483. tr 251-270.	
16 7	Trần Kim Phụng, <i>Giải mã một truyện cười từ góc độ Ngữ nghĩa học diễn ngôn</i> , Tạp chí Ngôn ngữ, số 4, 2024, ISSN 0866-7519, tr3-13.	
16 8	Trần Kim Phụng, Hà Văn Minh, <i>Từ loại tiếng Việt từ cách nhìn của Hoàng Tuệ (1962) đến cách nhìn của chúng tôi</i> (Viết chung với Hà Văn Minh), Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia: <i>Giáo sư Hoàng Tuệ - Ngôn ngữ trong đời sống xã hội</i> , 2024, tr411-422.	
16 9	Trần Kim Phụng, Hoàng Nguyễn Minh Khuê, <i>Đặc điểm kênh chữ của diễn ngôn Flex nhìn từ lý thuyết ngữ vực</i> , Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống, số 8.2024, ISSN 0868-3409, tr3-14.	
17 0	Trần Kim Phụng, <i>Những trường hợp đặc biệt khi phân tích nghĩa miêu tả của câu</i> , Tạp chí Ngôn ngữ, số 12, 2024	
17 1	Trần Kim Phụng, Nguyễn Thị Thu Thủy, <i>Từ “như” trong tiếng Việt nhìn từ lý thuyết của Ngữ pháp chức năng</i> , Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế: Những khuynh hướng ngôn ngữ học hiện đại: Lý thuyết và ứng dụng; NXB Đại học Quốc gia HN, (Trường Đại học Công nghiệp HN), 2024	
17 2	Trần Kim Phụng, Nguyễn Thị Ngọc Anh, <i>Tương đương ngữ pháp trong dịch thuật câu phức Anh – Việt</i> , Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế: <i>Ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu giữa các ngôn ngữ</i> , NXB Thế giới, ISBN 978-604-392-377-3, tr 823-835 (Trường Đại học Phenikaa), tháng 12.2024	
17 3	Phùng Diệu Linh, <i>Vận dụng tri thức Hán Nôm trong đào tạo dạy học mở rộng vốn từ cho sinh viên Sư phạm tiểu học: Khảo sát gốc từ Hán Việt phần Mở rộng vốn từ</i> , SGK tiếng Việt lớp 5, TCKH ĐHSHPN, ISSN 2354-1075, 2021, 66-2, TC, 67-77	
17 4	Phùng Diệu Linh, <i>Minh giải văn bản: một đề xuất về chú giải và dịch thuật bài thơ thuật hoài của Trần Quang Khải</i> , TCKH ĐHSHPN, ISSN 2354 - 1076, SỐ 3, KHXH, tháng 8, 2023	
17 5	Phùng Diệu Linh, <i>Một số đặc điểm ngôn ngữ thơ Phùng Khắc Khoan trong Ngôn chí thi tập</i> ; Kỷ yếu hội thảo Nghiên cứu và giảng dạy tác phẩm văn học theo thể loại, Nxb Đại học Sư phạm, 2020, ISBN: 978-604-54-6924-8, trang 688,	

17 6	Đỗ Thị Mỹ Phương (2021), <i>Đạo sĩ: Từ nhân vật tôn giáo đến nhân vật văn học (khảo sát trong truyện kí thế kỉ XVIII-XIX)</i> ; <i>Nghiên cứu văn học</i> , số 9 (595), tr.51-63.	
17 7	Đỗ Thị Mỹ Phương (2021), <i>Câu hỏi trong thơ chữ Hán Nguyễn Du – Bức chân dung một thế giới nhiều bất ổn</i> , Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: <i>Những hướng tiếp cận mới trong nghiên cứu và giảng dạy về Nguyễn Du và Truyện Kiều</i> , Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.150-173.	
17 8	Đỗ Thị Mỹ Phương (2021), <i>Thế giới nhân vật trong truyện truyền kì trung đại Việt Nam</i> , <i>Tạp chí Khoa học xã hội, Nhân văn và Giáo dục</i> , số 11, tr.179-192.	
17 9	Đỗ Thị Mỹ Phương (2020), <i>Thể loại truyện kì trong văn học trung đại Việt Nam</i> , Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: <i>Nghiên cứu và giảng dạy tác phẩm văn học theo thể loại</i> , Nxb Đại học Sư phạm, tr.231-242.	
18 0	Đỗ Thị Mỹ Phương (2020), <i>Độc Tiểu Thanh kí - Nhìn từ những kết nối, Lý luận Phê bình Văn học - Nghệ thuật</i> , số tháng 4 năm 2020, tr.116-120.	

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *tên sách*, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản.
- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tên bài viết*', *tên tập san*, số, kì/thời gian phát hành, số trang.
- Tác giả (Năm xuất bản), *tên tài liệu*, đơn vị bảo trợ thông tin, ngày truy cập.
- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tiêu đề bài viết*', *[trong] tên kỷ yếu*, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	9	5569m2		4 năm học	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	10	1500m2		4 năm học	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	88	6547m2		4 năm học	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	195	14625m2		4 năm học	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	27	1150m2		4 năm học	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian					
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1.614 m ²		4 năm học	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập					

Mẫu 7: Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Tiếng Việt Nghe – Nói 1	Đặng Thị Thu Hiền, Lương Thị Hiền	Tài liệu lưu hành nội bộ		TIẾNG VIỆT NGHE – NÓI 1	PHIL 240	4 năm học	
2	Tiếng Việt C	Đoàn Thiện Thuật (chủ biên)	ĐHQGHN, Viện VN học và Khoa học Phát triển, NXB Thế giới, Hà Nội, 2007					
3	TV nâng cao dành cho người nước ngoài (Quyển 1),	Nguyễn Việt Hương	NXB ĐHQGHN, Hà Nội, 2009					
4	Quê Việt (Sách dạy tiếng Việt, trình độ C, quyển 1),	Mai Ngọc Chừ (chủ biên)	NXB Giáo dục VN, Hà Nội, 2015					
5	Tập bài giảng Tiếng Việt Đọc viết 1	Đặng Thị Thu Hiền, Lương Thị Hiền	Tài liệu lưu hành nội bộ		TIẾNG VIỆT: ĐỌC - VIẾT 1	PHIL 241	4 năm học	
6	Quê Việt, trình độ C quyển 1, quyển 2	Bộ Giáo dục Đào tạo	NXB Giáo dục, 2018					
7	Tiếng Việt nâng cao Quyển 1, Quyển 2	Nguyễn Việt Hương	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018					
8	Bài đọc Tiếng Việt nâng cao dành cho người nước ngoài	Hwang Ji Yeon, Trịnh Cẩm Lan, Nguyễn Khánh Hà	NXB Thông tin và truyền thông, 2014					
9	Kỹ năng thuyết trình và tạo lập văn bản	Nguyễn Thị Hồng Ngân, Đoàn Tiến Lực	Tài liệu lưu hành nội bộ		KĨ NĂNG	PHIL 406F	4 năm học	

10	Tiếng Việt thực hành	Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng	Nxb. Giáo dục, 2009		THUYẾT TRÌNH TIẾNG VIỆT			
11	Tiếng Việt thực hành	Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh	Nxb ĐHSP, 2004					
12	Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp	Nxb ĐHQGHN, 2001					
13	Giáo trình kỹ năng thuyết trình	Dương Thị Liễu	Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, 2013					
14	Bản đồ tư duy trong kỹ năng thuyết trình	Nguyễn Thụy Khánh Chương dịch	Alpha Book biên soạn, 2018					
15	Kỹ năng thuyết trình hiệu quả	Lại Thế Luyện	Nxb Thời đại, 2011					
16	Tài liệu Kỹ năng thuyết trình và tạo lập văn bản	Nguyễn Thị Hồng Ngân, Đoàn Tiến Lực	Tài liệu lưu hành nội bộ		KỸ NĂNG TẠO LẬP VĂN BẢN TIẾNG VIỆT	PHIL 403F	4 năm học	
17	Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp	Nxb ĐHQGHN, 2001				4 năm học	
18	Tài liệu Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ (lưu hành nội bộ)	Đỗ Phương Thảo	ĐHSPHN, 2019		PHƯƠNG PHÁP DẠY TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI	PHIL 441F	4 năm học	
19	Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai	Nguyễn Ngọc Tuấn	Victoria University, Melbourne, Australia, 2012					
20	Phương pháp dạy học tiếng Việt	Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán	Nxb Giáo dục VN, 2010					
21	Ngôn ngữ học đối chiếu	Bùi Mạnh Hùng	Nxb Giáo dục VN, 2009					

22	Tiếng Việt và việc dạy cho người nước ngoài	Hoàng Tuệ	Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997					
23	Nội dung và phương pháp giảng dạy ngữ pháp tiếng Việt thực hành	Nguyễn Chí Hòa	Nxb ĐHQGHN, 2008					
24	Giáo trình Nhập môn khoa học giao tiếp	Nguyễn Bá Minh	Nxb ĐHSP, 2018		KỸ NĂNG GIAO TIẾP TIẾNG VIỆT	PHIL 414F	4 năm học	
25	Kỹ năng giao tiếp của sinh viên trong môi trường đa văn hoá	Phạm Thanh Long	Tạp chí Tâm lý học, số 12/2015					
26	Nhập môn khoa học giao tiếp	Trần Trọng Thủy, Nguyễn Sinh Huy	Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2006					
27	Tâm lý học giao tiếp	Hoàng Anh, Nguyễn Thanh Bình	Nxb ĐHSP, Hà Nội					
28	Giao tiếp sư phạm	Nguyễn Công Hoàn, Hoàng Anh	Nxb Giáo dục, Hà Nội					
29	Xây dựng nhóm làm việc hiệu quả	Bản dịch tiếng việt của Trần Thị Bích Nga, Phạm Ngọc Sáu và Nguyễn Thị Thu Hà	NXB Tổng hợp TP. HCM, 2006		KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM	PHIL 331F	4 năm học	
30	Thúc đẩy nhóm làm việc hiệu quả	Michael Maginn - bản dịch của Trần Phi Tuấn	NXB Tổng hợp TP. HCM, 2007					
31	Ê-kíp tiến lên nào	Ken Blanchard, Alan Randolph, Peter Grazier - bản dịch của Lê Tuyên	NXB Trẻ, 2005					
32	Giáo trình Hành vi tổ chức	Bùi Anh Tuấn & Phạm Thúy Hương	NXB ĐHKQTĐ, 2011					
33	Làm việc theo nhóm	Nguyễn Thị Oanh	NXB Trẻ, 2011					
34	Giao tiếp trong kinh doanh và cuộc sống	Đoàn Thị Hồng Vân và Kim Ngọc Đạt	NXB Tổng hợp TP. HCM, 2011					

35	Phát triển kỹ năng quản trị	Nguyễn Quốc Tuấn và Nguyễn Thị Loan	NXB Tài chính, 2009					
36	Lãnh đạo nhóm	Bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Thu Hà	NXB Tri Thức, 2009					
37	Tài liệu Hướng dẫn thực tế cơ sở hành chính – văn hoá	Dương Tuấn Anh, Đoàn Tiến Lực	Nxb ĐHSP, Hà Nội		THỰC TẾ NGÔN NGỮ TẠI CƠ SỞ HÀNH CHÍNH – VĂN HÓA	PHIL 404F	4 năm học	
38	Tâm lý học giao tiếp	Hoàng Anh, Nguyễn Thanh Bình	Nxb ĐHSP, Hà Nội, 2004					
39	Tài liệu Hướng dẫn thực tế tại cơ sở kinh tế - doanh nghiệp	Nguyễn Thị Hồng Ngân, Đoàn Tiến Lực	Lưu hành nội bộ					
40	Văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân ở Việt Nam	Từ Thị Loan	Nxb Văn hóa dân tộc, 2018					
41	Giáo trình văn hóa doanh nghiệp		NXB Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2019		KINH TẾ - DOANH NGHIỆP			
42	Hướng dẫn điền dã ngôn ngữ - văn hóa	Khoa Ngữ văn	Tài liệu lưu hành nội bộ		ĐIỀN DÃ NGÔN NGỮ - VĂN HÓA	PHIL 411F	4 năm học	
43	Tâm lý học giao tiếp	Hoàng Anh, Nguyễn Thanh Bình	Nxb ĐHSP, Hà Nội, 2004					

44	Tập bài giảng Phương tiện dạy học tiếng Việt cho người nước ngoài	Trịnh Thị Lan, Lê Thị Minh Nguyệt, Trần Hoài Phương	Tài liệu lưu hành nội bộ		PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC TIẾNG VIỆT	PHIL 412F	4 năm học	
45	Kỹ năng giao tiếp của sinh viên trong môi trường đa văn hóa	Phạm Thanh Long	Tạp chí Tâm lý học, số 12/2015					
46	Nhập môn khoa học giao tiếp	Trần Trọng Thủy, Nguyễn Sinh Huy	Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2006					
47	Giao tiếp sư phạm	Nguyễn Công Hoàn, Hoàng Anh	Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998					
48	Kỹ năng quản lý thời gian	Nguyễn Vũ Thùy Chi và Đặng Anh Tài	NXB An Giang, 2007		KỸ NĂNG TỔ CHỨC CÔNG VIỆC VÀ QUẢN LÝ THỜI GIAN	PHIL 332F	4 năm học	
49	17 nguyên tắc vàng khi làm việc nhóm	John C. Maxwell – bản dịch của Đức Anh	NXB Lao động-Xã hội, 2012					
50	Quản lý thời gian (Time management)	Bích Nga, Tấn Phước, Phạm Thị Sáu biên dịch	TP. Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp, 2006					
51	Quản lý thời gian	Lê Tuyên biên dịch	TP. Hồ Chí Minh: NXB Trẻ, 2004					
52	Time management for students	Brian, Poser	Toronto (Ontario, Canada): Counselling and Development Centre, 2003					
53	Hãy sống ở thế chủ động	Nguyễn Tuấn Quỳnh	NXB Lao động XH, 2014		KỸ NĂNG ĐẶT MỤC TIÊU -	PHIL 333F	4 năm học	
54	Đứng dậy mạnh mẽ	Nick Vujicic – biên dịch Nguyễn Thị Bích Lan	Nhà xuất bản Tổng hợp Hồ Chí Minh, 2014					

55	Dám khác biệt	Richard Wiseman – biên dịch Nguyễn Thanh Tuấn	NXB Lao động XH, 2013		TẠO ĐỘNG LỰC LÀM VIỆC			
56	Hướng đi cho cuộc đời	Krishnamurti – biên dịch Lê Tuyên	NXB Tổng Hợp TP.HCM, 2014					
57	Nhập môn ngôn ngữ học	Mai Ngọc Chừ (Chủ biên)	NXB GD, 2007		DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC	PHIL 128F	4 năm học	
58	Tiếng Việt, Đại cương - Ngữ âm	Bùi Minh Toán, Đặng Thị Lanh	NXB ĐHSPHN, 2006					
59	Dẫn luận ngôn ngữ học	Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên)	NXB GD, 2005					
60	Giáo trình ngôn ngữ học đại cương	Fedinand de Saussure	NXB KHXH, 2005					
61	Tiếng Việt, mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa	Cao Xuân Hạo	NXB GD, 1998					
62	Những bài giảng về ngôn ngữ học đại cương	Nguyễn Lai	NXB ĐHQG, 1997					
63	Ngữ âm tiếng Việt	Đoàn Thiện Thuật	NXB ĐHQG, 1999		NGỮ ÂM HỌC TIẾNG VIỆT	PHIL 128F	4 năm học	
64	Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt	Đỗ Hữu Châu	NXB Giáo dục, H, 2001		TỪ VỰNG NGỮ NGHĨA TIẾNG VIỆT	PHIL 203F	4 năm học	
65	Giáo trình Ngữ dụng học	Đỗ Hữu Châu	NXB Giáo dục, 2002					
66	Đại cương ngôn ngữ học, Tập 2	Đỗ Hữu Châu	NXB Giáo dục, H, 2001					
67	Các bình diện của từ và từ tiếng Việt	Đỗ Hữu Châu	NXB ĐHQG Hà Nội, 1997					

68	Từ và cấu trúc của từ tiếng Việt	Hoàng Văn Hành	KHXH, H, 1995					
69	Từ vựng học tiếng Việt	Nguyễn Thiện Giáp	NXB Giáo dục, 1999					
70	Dụng học Việt ngữ	Nguyễn Thiện Giáp	NXB ĐHQG, H, 2000					
71	Ngữ dụng học	Đỗ Việt Hùng	NXB Đại học sư phạm, 2011					
72	Các lí thuyết ngữ nghĩa học từ vựng	Dirk Geeraerts, Phạm Văn Lam dịch	NXB ĐHQG Hà Nội, 2014					
73	Từ trong hoạt động giao tiếp	Bùi Minh Toán	NXB Giáo dục, 1999					
74	Ngữ dụng học, Tập 1	Nguyễn Đức Dân	NXB Giáo dục, H, 1998					
75	Dụng học	George Yule	ĐHQG Hà Nội, 2003					
76	Ngữ pháp tiếng Việt, tập 1	Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung	NXB Giáo dục, Hà Nội, 1996		NGŨ PHÁP TIẾNG VIỆT	PHIL3 03F	4 năm học	
77	Ngữ pháp tiếng Việt, tập 2	Diệp Quang Ban	NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003					
78	Ngữ pháp tiếng Việt, phần câu	Diệp Quang Ban	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2004					
79	Từ loại tiếng Việt hiện đại	Lê Biên	ĐHQGHN, Trường ĐHSP, HN, 1996					
80	Các phương pháp phân tích câu (trên ngữ liệu tiếng Việt)	Trần Kim Phụng	NXB Khoa học Xã hội, 2012					
81	Văn bản và liên kết trong tiếng Việt	Diệp Quang Ban	NXB Giáo dục, 1998					
82	Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại	Nguyễn Tài Cẩn	NXB KHXH, 1975					

83	Ngữ pháp tiếng Việt, (Tiếng - từ ghép - đoạn ngữ)	Nguyễn Tài Cẩn	Nxb ĐHQG HN, Hà Nội, 1996					
84	Câu tiếng Việt	Nguyễn Thị Lương	Nxb Đại học Sư phạm, HN, 2006					
85	Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt	Trần Ngọc Thêm	NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1985					
86	Thành phần câu tiếng Việt	Nguyễn Minh Thuyết và Nguyễn Văn Hiệp	NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004					
87	Dẫn luận ngữ pháp chức năng	M.A.K. Halliday	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001					
88	Câu trong tiếng Việt	Cao Xuân Hạo (chủ biên), Hoàng Xuân Tâm, Nguyễn Văn Bằng, Bùi Tất Tươi	Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999					
89	Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp	Nguyễn Văn Hiệp	NXB Giáo dục, 2008					
90	Động từ trong tiếng Việt	Nguyễn Kim Thản	Nxb KHXH, Hà Nội, 1977					
91	Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt	Bùi Minh Toán (chủ biên), Nguyễn Thị Lương	NXB Đại học Sư phạm, Dự án đào tạo giáo viên THCS, 2008					
92	Ngôn ngữ học đối chiếu	Bùi Mạnh Hùng	Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2008		NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU	PHIL 207F	4 năm học	
93	Ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu các ngôn ngữ Đông Nam Á	Nguyễn Văn Chiến	Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, 1992					
94	Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ	Lê Quang Thiêm						

95	Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ ở Việt Nam	Vương Toàn	Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2006					
96	Tiếng Việt cho người nước ngoài trình độ nâng cao	Trịnh Đức Hiền	NXB ĐHQG HN, 2005					
97	Phong cách học văn bản	Đinh Trọng Lạc	NXB Giáo dục, H, 1994		PHONG CÁCH HỌC TIẾNG VIỆT	PHIL 402F	4 năm học	
98	Phong cách học tiếng Việt	Đinh Trọng Lạc, Nguyễn Thái Hòa	NXB Giáo dục, H, 2001					
99	Phong cách học (Nhập môn ngôn ngữ học)	Nguyễn Thị Ngân Hoa	NXB Giáo dục, H, 2007					
100	Lí luận và thi pháp tiểu thuyết	Bakhtin M.	Trường viết văn Nguyễn Du, H, 2002					
101	Phân tích phong cách ngôn ngữ trong tác phẩm văn học	Nguyễn Thị Ngân Hoa	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2003					
102	Cấu trúc văn bản nghệ thuật	Lotman Yu.	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004					
103	Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều	Phan Ngọc	NXB Khoa học Xã hội, H, 1985					
104	Thi pháp văn xuôi	Todorov Tz.	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2004					
105	Điểm nhìn và ngôn ngữ trong truyện kể	Nguyễn Thị Thu Thủy	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016					
106	Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt	Cù Đình Tú	NXB Giáo dục, 2007					
107	Một số vấn đề về sử dụng ngôn ngữ trên báo chí	Hoàng Anh	NXB Lao động, Hà Nội, 2003					

108	Về phong cách báo	Đinh Trọng Lạc	Tạp chí Ngôn ngữ, số 4, 1995					
109	Dạy và học từ Hán Việt ở trường phổ thông	Đặng Đức Siêu	NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003		TỪ HÁN VIỆT – LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH	PHIL 430F	4 năm học	
110	Từ ngoại lai trong tiếng Việt	Nguyễn Văn Khang	NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007					
111	Giáo trình lịch sử tiếng Việt	Trần Trí Dồi	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2007					
112	Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt	Nguyễn Tài Cẩn	NXB ĐHSP, Hà Nội, 2004					
113	Hán Việt từ điển	Thiều Chửu	NXB Dân Trí, Hà Nội, 2018					
114	Lí thuyết chữ Nôm văn Nôm	Nguyễn Ngọc San	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2003					
115	Một số chứng tích về ngôn ngữ, văn tự và văn hóa	Nguyễn Tài Cẩn	NXB ĐHSP, Hà Nội, 2003					
116	Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á	Phạm Ngọc – Phạm Đức Dương	NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2011					
117	Mẹo giải nghĩa từ Hán Việt	Phan Ngọc	NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng, 1997					
118	Giáo trình văn học dân gian	Vũ Anh Tuấn (Chủ biên)	HN, NXB GDVN, 2012		VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM	PHIL1 23F	4 năm học	
119	Văn học dân gian Việt Nam	Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn	Nxb Giáo dục, 1997					
120	Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam	Cao Huy Đình	HN, NXB KHXH, 1976					

121	Văn học dân gian Việt Nam	Nguyễn Bích Hà	HN, NXB ĐHSP, 2008					
122	Văn hóa dân gian Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á	Đinh Gia Khánh	Nxb KHXH, 1993					
123	Văn học dân gian Việt Nam, Tập I	Đỗ Bình Trị	HN, NXB GD, 1991					
124	Văn học dân gian Việt Nam, Tập II	Hoàng Tiến Tựu	HN, NXB GD, 1990					
125	Văn hóa dân gian những lĩnh vực nghiên cứu	Nhiều tác giả	HN, Nxb KHXH, 1989					
126	Văn hóa dân gian những phương pháp nghiên cứu	Nhiều tác giả	HN, NXB KHXH, 1990					
127	Mĩ học Folklore	V. Guxep, Hoàng Ngọc Hiến dịch	ĐN, NXB Đà Nẵng, 1999					
128	Tuyển tập (Chu Xuân Diên dịch)	V.la.Propp	HN, NXB VHDT&Tập chí VHNT, Tập I 2003, Tập II 2004					
129	Thi pháp của huyền thoại	E.M. Meletinsky, Trần Nho Thìn và Song Mộc dịch	Nxb ĐHQG, 2004					
130	Văn hóa dân gian, mấy vấn đề phương pháp luận và nghiên cứu thể loại	Chu Xuân Diên	Nxb Giáo dục, 2001					
131	Thi pháp văn học dân gian	Lê Trường Phát	HN, NXB Giáo Dục, 2000					
132	Một nhận thức về văn học dân gian Việt Nam	Nguyễn Xuân Kính	Nxb ĐHQG, 2012					
133	Văn học dân gian - những công trình nghiên cứu	Bùi Mạnh Nhị (Chủ biên)	Nxb Giáo dục, 1999					

134	Folklore thế giới – một số công trình nghiên cứu cơ bản	Ngô Đức Thịnh, Frank Poschan (Chủ biên)	HN, NXB KHXH, 2005					
135	Folklore một số thuật ngữ đương đại	Ngô Đức Thịnh, Frank Poschan (Chủ biên)	Nxb KHXH, 2005					
136	Giáo trình văn học trung đại Việt Nam, tập 1	Lã Nhâm Thìn (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam, 2011		VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM	PHIL 442F	4 năm học	
137	Giáo trình văn học trung đại Việt Nam, tập 2	Lã Nhâm Thìn - Vũ Thanh (Đồng chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam, 2015					
138	Văn học trung đại Việt Nam, tập 1	Nguyễn Đăng Na (Chủ biên)	Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, 2007					
139	Văn học trung đại Việt Nam, tập 2	Nguyễn Đăng Na (Chủ biên)	Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, 2013					
140	Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam	Nguyễn Đăng Na	NXB Giáo dục, 2006					
141	Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam	Trần Đình Sử	NXB Giáo dục, 1999					
142	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX	Trần Nho Thìn	NXB Giáo dục VN, 2012					
143	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX – Những vấn đề lí luận và lịch sử	Trần Ngọc Vương (Chủ biên)	NXB Giáo dục, 2007					
144	Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam	Lê Trí Viễn	NXB Văn nghệ TP. HCM, 2000					
145	Thể loại hát nói trong sự vận động của lịch sử văn học Việt Nam	Nguyễn Đức Mậu	Nxb Đại học Vinh, 2018					

146	Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại, tập 1, Truyện ngắn	Nguyễn Đăng Na	NXB Giáo dục, 1999					
147	Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại, tập 2, Ký	Nguyễn Đăng Na	NXB Giáo dục, 2001					
148	Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại, tập 3, Tiểu thuyết chương hồi	Nguyễn Đăng Na	NXB Giáo dục, 2000					
149	Thi pháp cốt truyện Truyện thơ Nôm và Truyện Kiều	Nguyễn Thị Nhân	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2009					
150	Thi pháp Truyện Kiều	Trần Đình Sử	NXB Giáo dục, 2003					
151	Thơ Nôm Đường luật	Lã Nhâm Thìn	NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997					
152	Phân tích tác phẩm văn học trung đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại	Lã Nhâm Thìn	NXB Giáo dục Việt Nam, 2009					
153	Giáo trình Văn học Việt Nam từ sau cách mạng tháng 8/1945	Nguyễn Văn Long (chủ biên), Nguyễn Thị Bình, Lê Quang Hưng, Trần Hạnh Mai, Mai Thị Nhung, Chu Văn Sơn, Trần Đăng Xuyên	NXB ĐHSP, 2016		VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI	PHIL 443F	4 năm học	
154	Văn xuôi Việt Nam sau 1975	Nguyễn Thị Bình	NXB ĐHSP, 2012					
155	Văn học thời kì 1945-1975 ở thành phố Hồ Chí Minh	Vũ Hạnh, Nguyễn Ngọc Phan	NXB Văn hóa Sài Gòn, 2007					
156	20 năm văn học Việt Nam hải ngoại 1975-1995	Nhiều tác giả	NXB Đại Nam, 1995					

157	Thơ trữ tình Việt Nam từ giữa thập kỉ 80 đến nay - Những đổi mới cơ bản	Đặng Thu Thủy	NXB ĐHSP, 2015					
158	Nửa thế kỉ thơ Việt Nam 1945-1995	Vũ Tuấn Anh	NXB KHXH, 1997					
159	21 khuôn mặt văn nghệ miền Nam	Phạm Văn Nhân	Thư ấn quán, 2015					
160	Văn học Việt Nam trong thời đại mới	Nguyễn Văn Long	NXB Giáo dục, 2003					
161	Tổng quan văn học miền Nam	Võ Phiến	NXB Văn nghệ, 1999					
162	Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt	Đỗ Hữu Châu	NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001		NGHỀ NGHIỆP VÀ TỪ CHỈ NGHỀ NGHIỆP Ở VIỆT NAM	PHIL 201F	4 năm học	
163	Từ vựng học tiếng Việt	Nguyễn Thiện Giáp	NXB Giáo dục, 1999					
164	Bản về cơ sở nghiên cứu từ ngữ nghề nghiệp từ phương diện ngôn ngữ - văn hóa	Hoàng Trọng Canh, Hà Thị Hồng Mai	Tạp chí Ngôn ngữ, số 5, 2021					
165	Ngôn ngữ học lí thuyết (dùng Chương 8. Từ vựng học)	Nguyễn Thiện Giáp	NXB ĐHQG Hà Nội, 2019					
166	Từ điển phổ thông ngành nghề truyền thống Việt Nam	Phan Ngọc Liên	NXB ĐHQG Hà Nội, 2000					
167	Đặc điểm cấu tạo của từ ngữ nghề chèo trong tiếng Việt	Lê Thị Hương Giang	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Thái Nguyên), số 1860, 2018					

168	Khảo sát từ ngữ nghề nghiệp của một số nghề thủ công mỹ nghệ ở Quảng Nam – Đà Nẵng	Ngô Thị Thu Hương, Bùi Trọng Ngoãn	Tạp chí Khoa học và Công nghệ đại học Đà Nẵng, số 4, 2015					
169	Ngôn ngữ, chữ viết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (những vấn đề chung)	Nguyễn Hữu Hoành, Nguyễn Văn Lợi, Tạ Văn Thông	NXB Từ điển Bách khoa, 2013		TỘC NGƯỜI VÀ NGÔN NGỮ CỦA CÁC TỘC NGƯỜI Ở VIỆT NAM	PHIL 208F	4 năm học	
170	Hợp lưu những dòng suy tư: về địa danh, phương ngữ và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số	Hoàng Thị Châu	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014					
171	Ethnic Minorities in Vietnam	Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng	NXB Thế giới, 2000					
172	Ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam	Tạ Văn Thông, Tạ Quang Tùng	NXB Đại học Thái Nguyên, 2017					
173	Tìm hiểu ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam	Tạ Văn Thông (chủ biên)	NXB Khoa học Xã hội, 2009					
174	Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam	Viện Dân tộc học	NXB Khoa học Xã hội, 1975					
175	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	Trần Trí Đoàn	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006					
176	Giáo trình văn học dân gian	Vũ Anh Tuấn (chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam, 2012		TIẾNG VIỆT TRONG VĂN HÓA DÂN	PHIL 209F	4 năm học	
177	Văn học dân gian Việt Nam	Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn	NXB Giáo dục, 1997					
178	Việt Nam phong tục	Phan Kế Bính	NXB Văn học, Hà Nội, 2014					

179	Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam	Nguyễn Đồng Chi	NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2023		GIAN VIỆT NAM			
180	Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam	Vũ Ngọc Phan	NXB Văn học, Hà Nội, 2023					
181	Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam	Ngô Đức Thịnh	NXB Hà Nội, 2022					
182	Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2001					
183	Văn hóa Việt Nam	Trần Độ	Ban Văn hóa Văn nghệ Trung ương, Hà Nội, 1989					
184	Văn học dân gian Việt Nam	Nguyễn Bích Hà	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2008					
185	Bản sắc văn hóa Việt Nam	Phan Ngọc	NXB Văn học, Hà Nội, 2006					
186	Thần, người và đất Việt	Tạ Chí Đại Trường	Nxb Tri thức, Hà Nội, 2017					
187	Giáo trình văn học dân gian	Vũ Anh Tuấn (chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012		TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH VỰC	PHIL 205F	4 năm học	
188	Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt	Đỗ Hữu Châu	NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001					
189	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	NXB Giáo dục, 1999					
190	Từ điển phổ thông ngành nghề truyền thống Việt Nam	Phan Ngọc Liên	NXB ĐHQG Hà Nội, 2000					

191	Ý nghĩa biểu trưng của các từ ngữ thuộc trường từ vựng – ngữ nghĩa lúa và các sản phẩm của lúa trong kho tàng ca dao người Việt	Hà Quang Năng, Nguyễn Thị Dinh	nguồn: https://thanhdiavietnamhoc.com , 2019		NÔNG NGHIỆP			
192	Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong mô hình tăng trưởng kinh tế mới (giai đoạn 2011 - 2020)	Nguyễn Thị Tố Quyên	NXB Chính trị Quốc gia, 2022					
193	Ngôn ngữ học lí thuyết (dùng Chương 8. Từ vựng học)	Nguyễn Thiện Giáp	NXB ĐHQG Hà Nội, 2019					
194	Ngôn ngữ học lí thuyết (dùng Chương 8. Từ vựng học)	Nguyễn Thiện Giáp	NXB ĐHQG Hà Nội, 2019					
195	Tên gọi cây nông nghiệp trong tiếng Việt và cách giải thích trong từ điển tiếng Việt	Hà Thùy Dương	LATS, Học viện Khoa học xã hội, 2020					
196	Đặc điểm cấu tạo của từ ngữ nghề chèo trong tiếng Việt	Lê Thị Hương Giang	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Thái Nguyên), số 186, 2018					
197	Tập bài giảng Tiếng Việt trong lĩnh vực khoa học công nghệ	Nhóm tác giả	Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2024		TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH	PHIL 204F	4 năm học	

198	Công nghệ 10, Công nghệ trồng trọt	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đồng Huy Giới (chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam, 2022		VỤC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ			
199	Công nghệ 10, Thiết kế và công nghệ	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên kiêm chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam, 2022					
200	Công nghệ 11, Công nghệ chăn nuôi	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đồng Huy Giới (chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam, 2023					
201	Công nghệ 11, Công nghệ cơ khí	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Thái Thế Hùng (chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam, 2023					
202	Công nghệ 12, Công nghệ điện – điện tử	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đinh Triều Dương (chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam, 2023					
203	Công nghệ 12, Lâm nghiệp – thủy sản	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đồng Huy Giới (chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam, 2023					
204	Những ý tưởng khoa học công nghệ thời đại 4.0	Nhiều tác giả	NXB Tri thức, 2020					
205	Giáo trình tiếng Việt thương mại cho người nước ngoài	Hoàng Kim Ngọc	NXB Thế giới, 2017		TIẾNG VIỆT THƯƠNG MẠI	PHIL 448	4 năm học	
206	Giáo trình tiếng Việt thương mại (dành cho học viên nước ngoài)	Bùi Thị Phương Chi	Nxb ĐHQG tp.HCM, 2017				4 năm học	
207	Giáo trình đọc hiểu tiếng Việt thương mại (dành cho người nước ngoài)	Trường Đại học Thủ đô	Tài liệu lưu hành nội bộ, 2016				4 năm học	
208	Tài liệu Tiếng Việt Nghe – Nói 2	Đặng Thị Thu Hiền, Lương Thị Hiền	Lưu hành nội bộ, ĐHSPHN		TIẾNG VIỆT	PHIL 242	4 năm học	

209	Tiếng Việt C	Đoàn Thiện Thuật (chủ biên)	ĐHQGHN, Viện VN học và Khoa học Phát triển, NXB Thế giới, Hà Nội, 2007		NGHE – NÓI 2			
210	TV nâng cao dành cho người nước ngoài (Quyển 2)	Nguyễn Việt Hương	NXB ĐHQGHN, 2009					
211	Tập bài giảng môn Tiếng Việt Đọc viết 2	Đặng Thị Thu Hiền, Lương Thị Hiền	Lưu hành nội bộ		TIẾNG VIỆT: ĐỌC - VIẾT 2	PHIL 243	4 năm học	
212	Tiếng Việt: nghe – nói 3 (Dành cho người nước ngoài)	Nguyễn Thị Hồng Ngân, Đoàn Tiến Lực	Tài liệu lưu hành nội bộ		TIẾNG VIỆT: NGHE – NÓI 3	PHIL 244	4 năm học	
213	Tập bài giảng môn Tiếng Việt: đọc - viết 3	Đặng Thị Thu Hiền, Lương Thị Hiền	Lưu hành nội bộ		TIẾNG VIỆT: ĐỌC - VIẾT 3	PHIL 245	4 năm học	
214	Tiếng Việt: Nghe – Nói 4	Nguyễn Thị Hồng Ngân, Đoàn Tiến Lực	Tài liệu lưu hành nội bộ		TIẾNG VIỆT: NGHE – NÓI 4	PHIL 246	4 năm học	
215	Tập bài giảng môn Tiếng Việt: đọc - viết 4	Đặng Thị Thu Hiền, Lương Thị Hiền	Lưu hành nội bộ		TIẾNG VIỆT: ĐỌC - VIẾT 4	PHIL 247	4 năm học	
216	Kĩ năng viết Tiếng Việt dành cho người nước ngoài	Ngô Bích Thu	Nxb ĐHQG Hà Nội, 2019					

217	Giáo trình Tiếng Việt Du lịch (dành cho sinh viên nước ngoài)	Nhiều tác giả	Tài liệu lưu hành nội bộ, 2019		TIẾNG VIỆT DU LỊCH	PHIL 248	4 năm học	
218	Địa lý du lịch Việt Nam	Nguyễn Minh Tuệ	NXB Giáo dục, Hà Nội, 2014					
219	Giáo trình Tổng quan du lịch	Trần Thị Mai (chủ biên)	NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2013					
220	Việt Nam lãnh thổ và các vùng địa lý	Lê Bá Thảo	NXB Thế giới, Hà Nội, 2000					
221	Tiếng Việt thực hành nâng cao	Nguyễn Thị Hồng Ngân, Lê Văn Tấn	Nhà XB KHXH, 2019		PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG ĐỌC TIẾNG VIỆT (ĐỌC - DỊCH)	PHIL 444F	4 năm học	
222	Tiếng Việt thực hành (phần đọc - dịch)	Đặng Thị Hiền	Lưu hành nội bộ					
223	Dẫn luận ngữ pháp chức năng	M.A.K. Halliday	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001					
224	Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp	Nguyễn Văn Hiệp	NXB Giáo dục, 2008					
225	Tiếng Việt thực hành nâng cao	Nguyễn Thị Hồng Ngân, Lê Văn Tấn	Nhà XB KHXH, 2019		PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NGHE TIẾNG VIỆT (NGHE - DỊCH)	PHIL 445F	4 năm học	
226	Tiếng Việt thực hành (phần nghe - dịch)	Lương Thị Hiền	Lưu hành nội bộ					
227	Tiếng Việt thực hành (phần viết)	Nguyễn Thị Hồng Ngân	Lưu hành nội bộ		PHÁT TRIỂN	PHIL 446F	4 năm học	

228	Văn bản và liên kết trong tiếng Việt	Diệp Quang Ban	NXB Giáo dục, 1998		KĨ NĂNG VIẾT TIẾNG VIỆT			
229	Tiếng Việt văn hóa (dành cho người nước ngoài)	Nguyễn Thị Thu Hoài (chủ biên)	Nxb Đại học Sư phạm, 2018		TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH VỰC TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM	PHIL 210F	4 năm học	
230	Giáo trình Tôn giáo học	Trần Đăng Sinh, Đào Đức Doãn	Nxb Đại học Sư phạm, 2014					
231	Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam	Ban Tôn giáo chính phủ	Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2023					
232	Các hình thái tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	Nguyễn Đăng Duy	Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội, 2001					
233	Một số quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo	Nguyễn Đức Lữ, Nguyễn Thị Kim Thanh (tuyển chọn và biên soạn)	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009					
234	Tôn giáo, tín ngưỡng các dân tộc ở Việt Nam	Nguyễn Văn Minh	NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013					
235	Tín ngưỡng và văn hoá tín ngưỡng ở Việt Nam	Ngô Đức Thịnh	NXB Hà Nội, 2022					
236	Về tôn giáo tín ngưỡng Việt Nam hiện nay	Đặng Nghiêm Vạn	Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994					
237	Văn hoá Việt Nam	Trần Độ	Ban Văn hoá Văn nghệ Trung ương, Hà Nội, 1989					
238	Bản sắc văn hoá Việt Nam	Phan Ngọc	Nxb Văn học, Hà Nội, 2006					
239	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997					

240	Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2001		LỊCH SỬ TIẾNG VIỆT	PHIL 101F	4 năm học	
241	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Quốc Vượng (chủ biên)	Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2006					
242	Các bài giảng về lịch sử tiếng Việt thế kỉ XX	Đinh Văn Đức	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005					
243	Dẫn luận ngôn ngữ học	Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên)	NXB Giáo dục, 2005					
244	Một số chứng tích về ngôn ngữ, văn tự và văn hóa	Nguyễn Tài Cẩn	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001					
245	Nhập môn Ngôn ngữ học	Mai Ngọc Chừ (chủ biên)	NXB Giáo dục, 2007					
246	Lược sử Việt ngữ học, tập 1	Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên)	NXB Giáo dục, 2005					
247	Tiếng Việt lịch sử - Một tham chiếu hồi quan	Đinh Văn Đức (chủ biên)	NXB Văn học, 2018					
248	Lịch sử từ vựng tiếng Việt – thời kì 1858-1945	Lê Quang Thiêm	NXB Khoa học Xã hội, 2003		PHƯƠNG NGỮ TIẾNG VIỆT	PHIL 113F	4 năm học	
249	Phương ngữ học tiếng Việt	Hoàng Thị Châu	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004					
250	Hợp lưu những dòng suy tư: về địa danh, phương ngữ và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số	Hoàng Thị Châu	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014					
251	Dialectology	Chambers, Jack K., and Peter Trudgill	Cambridge University Press, 1998					
252	Ngữ âm tiếng Việt	Đoàn Thiện Thuật	Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1977					

253	Phương ngữ Bình Trị Thiên	Võ Xuân Trang	NXB Khoa học Xã hội, 1997					
254	Nghiên cứu đặc điểm lớp từ địa phương Nghệ Tĩnh	Hoàng Trọng Canh	Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường ĐH KHXH&NV Hà Nội, 2001					
255	Từ điển phương ngữ Tiếng Việt	Phạm Văn Hảo (chủ biên)	NXB Khoa học Xã hội, 2009					
256	Địa lí Việt Nam	Lê Văn Tấn	Đại học Hà Nội, 2011		TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH VỰC ĐỊA LÍ, LỊCH SỬ VIỆT NAM	PHIL 112F	4 năm học	
257	Đại cương lịch sử Việt Nam	Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn	NXB Giáo dục, 2014					
258	Tiếng Việt thực hành nâng cao	Nguyễn Thị Hồng Ngân, Lê Văn Tấn	Nhà XB KHXH, 2019					
259	Việt Nam: lãnh thổ và các vùng địa lí	Lê Bá Thảo	NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997					
260	Việt Nam: Các vùng kinh tế và vùng trọng điểm	Lê Thông, Nguyễn Quý Thao	NXB Giáo dục, Hà Nội, 2012					
261	Kinh tế vùng ở Việt Nam: từ lí luận đến thực tiễn	Lê Thu Hoa	Nxb Lao Động xã hội, Hà Nội, 2009					
262	Lịch sử Việt Nam	Trương Hữu Quýnh	NXB Giáo dục, 2007					
263	Tư tưởng Phương Đông gọi những điểm nhìn tham chiếu	Cao Xuân Huy, Nguyễn Huệ Chi (soạn, giới thiệu)	NXB Văn học, Hà Nội, 1995		ẢNH HƯỞNG NHO, PHẬT, ĐẠO VỚI VĂN HÓA	PHIL 345F	4 năm học	
264	Việt Nam văn hóa sử cương	Đào Duy Anh	NXB Tổng hợp Đồng Tháp, Đồng Tháp, 1998					
265	Nho giáo xưa và nay	Quang Đạm	NXB Văn hóa, Hà Nội, 1994					

266	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Đặng Đức Siêu	NXB ĐHSP, Hà Nội, 2002		VIỆT NAM			
267	Nho giáo	Trần Trọng Kim	Trung tâm Học liệu, Bộ Giáo dục, Sài Gòn, 1971					
268	Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam	Nguyễn Văn Huyền	NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996					
269	Bản sắc văn hóa Việt Nam	Phan Ngọc	NXB Văn học, Hà Nội, 2002					
270	Giáo trình hệ thống chính trị Việt Nam	Đinh Xuân Lí	NXB ĐHQGHN, 2020		TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ, PHÁP LUẬT VIỆT NAM	PHIL 111F	4 năm học	
271	Giáo trình Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Lê Minh Tâm, Vũ Thị Nga	NXB Công an ND, 2017					
272	Đại cương Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Đào Trí Úc, Hoàng Thị Kim Quế	NXB ĐHQG, 2023					
273	Giáo trình Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Nguyễn Minh Tuấn, Phạm Thị Duyên Thảo, Mai Văn Thắng	NXB ĐHQG, 2018					
274	Lí luận chung về Nhà nước và pháp luật	Lê Thu Hoa	NXB Tư pháp, 2009					
275	Ngôn ngữ báo chí	Vũ Quang Hào	NXB Thông tấn, 2012		TIẾNG VIỆT BÁO CHÍ – TRUYỀN THÔNG	PHIL 207F	4 năm học	
276	Tập bài giảng môn Tiếng Việt báo chí truyền thông	Phạm Thị Mai Hương	Lưu hành nội bộ, 2015					
277	Ngôn ngữ báo chí	Nguyễn Đức Dân	NXB TP Hồ Chí Minh, TP HCM, 2003					
278	Một số vấn đề về sử dụng ngôn từ trên báo chí	Hoàng Anh	NXB Lao động, 2003					

279	Các thể loại báo chí thông tấn	Đinh Văn Hường	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006					
280	Cảm thụ và giảng dạy văn học nước ngoài	Phùng Văn Tửu	NXB Giáo dục VN, TP Hồ Chí Minh, 2008		VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM	PHIL 440F	4 năm học	
281	Mỹ học tiếp nhận văn học ở Việt Nam (Kỷ yếu Hội thảo KH)	Khoa Ngữ văn – ĐHSP – Đại học Huế	NXB Đại học Huế, 2014					
282	Dịch văn học: Một số vấn đề lí thuyết và các bài học kinh nghiệm (Kỷ yếu Hội thảo KH quốc tế)	Khoa văn học – ĐHKHXH&NV – ĐHQG Hà Nội	NXB ĐHQG Hà Nội, 2018					
283	Phương pháp nghiên cứu và tiếp nhận văn chương nước ngoài trong nhà trường	Nguyễn Viết Chữ (chủ biên), Đỗ Thị Kim Thoa	NXB Giáo dục VN, Hà Nội, 2014					
284	Rèn luyện năng lực tiếp nhận tác phẩm văn học cho học sinh THCS	Trương Thị Bích	NXB ĐHQG Hà Nội, 2015					
285	Tiếp nhận văn xuôi Nga thế kỉ XIX ở Việt Nam	Trần Thị Quỳnh Nga	NXB Giáo dục VN, TP Hồ Chí Minh, 2010					
286	Tác gia tác phẩm văn học nước ngoài trong nhà trường	Lê Nguyên Cẩn (chủ biên)	NXB ĐHSP, Hà Nội, 2006					
287	Giáo trình văn học châu Á I – II	Nhiều tác giả	NXB ĐHSP, Hà Nội, 2001-2002					
288	Giáo trình văn học Phương Tây	Lê Huy Bắc, Lê Nguyên Cẩn, Nguyễn Linh Chi	NXB Giáo dục VN, Hà Nội, 2011					

289	Giáo trình Văn học Nga	Đỗ Hải Phong (chủ biên), Hà Thị Hòa	NXB Giáo dục VN, Hà Nội, 2011					
290	Đổi mới nghệ thuật tiểu thuyết phương Tây thế kỉ XX	Đặng Anh Đào	NXB Giáo dục VN, Hà Nội, 1997					
291	Cách tân nghệ thuật văn học Phương Tây	Phùng Văn Tửu	NXB KHXH, Hà Nội, 2017					
292	Giáo trình Văn học thế giới, Tập I-II	Lưu Đức Trung (chủ biên)	NXB ĐHSP, Hà Nội, 2007					
293	Giáo trình văn học Phương Tây trong nhà trường phổ thông	Lê Huy Bắc	NXB Giáo dục VN, Hà Nội, 2005					
294	Văn học Nga trong nhà trường	Hà Thị Hoà	NXB Giáo dục VN, Hà Nội, 2007					
295	Văn học phương Tây	Đặng Anh Đào, Phùng Văn Tửu,...	NXB Giáo dục VN, Hà Nội, 1997 – 2010					
296	Lịch sử văn học Nga	Đỗ Hồng Chung, Nguyễn Kim Đính,...	NXB Giáo dục VN, Hà Nội, 1997					
297	Speech Acts	Searle.J.R	Cambridge at the University Press, 1969		NGŨ DỤNG HỌC TIẾNG VIỆT	PHIL 202F	4 năm học	
298	Hành động ngôn ngữ gián tiếp và sự tri nhận	Đặng Thị Hảo Tâm	NXB Đại học Sư phạm, 2009					
299	Human body part words and their ability to express the concept of love (A preliminary survey on contemporary Young Music's lyrics)	Đặng Thị Hảo Tâm	Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống – số xuất bản tiếng Anh, số 6/2016					

300	Từ trong hoạt động giao tiếp	Bùi Minh Toán	NXB Giáo dục, 1999					
301	Ngữ dụng học, Tập 1	Nguyễn Đức Dân	NXB Giáo dục, H 1998					
302	Dụng học	George Yule	ĐHQG Hà Nội, 2003					
303	Vận động hội thoại trong trích đoạn “Thoát ra khỏi nghịch cảnh” (Hồn Trương Ba, da hàng thịt), Ngữ văn 12, tập 1	Đặng Thị Hào Tâm	NXB Giáo dục, 2018, Tạp chí Ngôn ngữ số 6, 2010					
304	Hành động giấu nhại trong thơ hậu hiện đại	Đặng Thị Hào Tâm	Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, Số 5, 2011					
305	Tiếng Việt văn hóa (dành cho người nước ngoài)	Nguyễn Thị Thu Hoài (CB), Phạm Thị Hà, Nguyễn Thị Tuyết Nhung	NXB Đại học Sư phạm, 2018		TIẾNG VIỆT TRONG HOẠT ĐỘNG LỄ HỘI Ở VIỆT NAM	PHIL 114F	4 năm học	
306	Nếp cũ – Hội hè đình đám	Toan Ánh	NXB Trẻ, 2023					
307	Tìm hiểu lễ hội truyền thống trong đời sống người Việt	Tăng Bình	NXB Hồng Đức, 2023					
308	Lễ hội truyền thống các dân tộc Việt Nam	Nhiều tác giả	NXB Văn hóa dân tộc, 2023					
309	60 lễ hội truyền thống Việt Nam	Thạch Phương, Lê Trung Vũ	NXB Tổng hợp TP. HCM, 2015					
310	Cẩm nang lễ hội truyền thống Việt Nam	Phạm Trình, Trần Minh	NXB Hồng Đức, 2023					
311	Nghệ thuật học	Đỗ Văn Khang	NXB ĐHQG Hà Nội, 2001		TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH	PHIL 115F	4 năm học	
312	Từ điển thuật ngữ Mỹ thuật phổ thông	Đặng Bích Ngân (chủ biên)	NXB Giáo dục, H, 2002					

313	Đại cương về mỹ thuật	Lê Bá Dũng, Nghiêm Thị Thanh Nhã, Nguyễn Cương	NXB Đại học Quốc gia, 2008		VỤC NGHỆ THUẬT VIỆT NAM			
314	Tiếng Việt trong lĩnh vực nghệ thuật	Đặng Thị Thu Hiền	Tài liệu lưu hành nội bộ					

Đường link danh mục sách – Thư viện Khoa Ngữ văn: <https://s.net.vn/ZWC9>

Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú (phòng đặt thiết bị - nhà B)
ST T	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Máy tính các loại							
1	Máy tính HP		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P102
2	Máy tính HP		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P105
3	Máy tính HP		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P103
4	Máy tính Dell		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P 104
5	Máy tính IBM (cây nằm)		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P106
6	Máy tính IBM (cây nằm)		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P107
7	Máy tính HP		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P108
8	Máy tính HP		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
9	Máy tính HP		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P110
10	Máy tính IBM (cây nằm)		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P111

11	Máy tính HP		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
12	Máy tính HP		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P112
13	Máy tính ĐNA		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P113
14	Máy tính ĐNA		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P114
15	Máy tính IBM cây nằm		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P114
16	Máy tính HP		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P301
17	Máy tính HP		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P302
18	Máy tính HP		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P309
II	Máy in, photocoppy, máy quét (các loại)							
	Máy in HP Laserjet P2055d		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P102
2	Máy in HP Laserjet 2035d		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P104
3	Máy photo Gesterer		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P102
4	Máy in Canon		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P103
5	Máy in HP Laserjet P2015d		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P110
6	Máy in HP Laserjet 1320d		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P106
7	Máy in HP Laserjet P2015d		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P102
8	Máy in màu HP		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
10	Máy in HP Laserjet P2055d		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P302
11	Máy in HP Laserjet P2055d		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P112
12	Máy in HP Laserjet P2055d		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P114
III	Đèn chiếu (các loại)							
2	Máy chiếu đa năng Sony VLP - EX 100		2	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
4	Máy chiếu đa năng Panasonic		2	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
IV	Thiết bị nghe nhìn (camera, cassette, dàn âm thanh, dàn âm thanh, đầu đĩa, máy ảnh, ti vi,..)							
1	Tăng âm		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P101
2	Loa treo tường F2000BT		2	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P101
3	Loa		2	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P106

4	Loa		2	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P106
5	Tăng âm		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P106
6	Tăng âm		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P106
7	Loa xách tay		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
8	Mic cầm tay Toa		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
9	Mic cái áo (theo loa xách tay)		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
10	Mic cầm tay (theo loa xách tay)		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
11	Máy quay KTS - Sony DCR-HC32		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
12	Máy quay KTS - DCR - SR82E		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
13	Máy quay KTS - DCR - TRV 460E		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
14	Máy ảnh KTS Sony DSC - T30		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
15	Máy ảnh KTS Sony		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
16	Mic không dây Shure (theo bộ tăng âm phòng 106)		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
17	Mic có dây Shure (theo bộ tăng âm phòng 106)		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
V	Máy móc đo lường, thí nghiệm							
VI	Thiết bị điện cơ (điều hòa lưu điện, máy đun nước, máy hút bụi, ổn áp, quạt, tủ lạnh)							
1	Điều hòa Panasonic		3	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P101
2	Điều hòa Navi		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P102
3	Điều hòa Sumikura		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P103
4	Điều hòa LG		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P104
5	Điều hòa Panasonic		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P105
6	Điều hòa Panasonic		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P108
7	Điều hòa Geceneral		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P111
8	Điều hòa Navi		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P112
9	Điều hòa Nagakawa		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
10	Điều hòa Panasonic		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P110

11	Điều hòa National		2	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P106
12	Ôn áp lioa		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P102
13	Ôn áp Lioa		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P104
14	Ôn áp lioa		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P105
15	Máy hút bụi		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P105
VII	Thiết bị động lực (máy bơm, máy khoan, máy nổ, máy tiện, mô tơ, ô tô)							
VII	Bàn ghế, tủ các loại và các dụng cụ khác							
1	Tủ thiết bị		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P101
2	Bục phát biểu		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P101
3	Ghế Xuân Hòa (phòng họp)		38	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P101
4	Bàn phòng họp Hòa Phát		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P101
5	Ghế phòng họp Hòa Phát		28	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P101
6	Tủ tường		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P101
7	Tủ sắt đựng tài liệu		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P102
8	Tủ gỗ đựng tài liệu		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P102
9	Ghế văn phòng		2	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P102
10	Bàn làm việc		2	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P102
11	Ghế Xuân Hòa		6	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P102
12	Tủ đựng tài liệu		2	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P103
13	Bàn làm việc lãnh đạo		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P103
14	Ghế lãnh đạo		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P103
15	Bàn máy tính		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P103
	Bàn trà		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P103
16	Salon		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P103
18	Tủ gỗ		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P104
19	Bàn làm việc lãnh đạo		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P104
20	Ghế lãnh đạo		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P104

21	Salon		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P104
22	Tủ sắt		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P104
23	Bàn để máy tính		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P104
24	Bàn làm việc		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P105
25	Bàn học sinh		2	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P105
26	Ghế Xuân Hòa		3	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P105
27	Ghế văn phòng		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P105
28	Giá sách		18	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P105
29	Tủ để tăng âm		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P106
30	Bàn học sinh		24	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P106
31	Ghế Xuân Hòa		64	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P106
32	Bục phát biểu		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P106
33	Ghế Xuân Hòa		8	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P107
34	Tủ đựng tài liệu		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P108
35	Bàn giáo viên		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P108
36	Bàn máy tính		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P108
37	Bàn họp tổ bộ môn		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P108
38	Ghế văn phòng		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P108
39	Ghế Xuân Hòa		37	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P108
40	Tủ văn phòng		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
41	Tủ văn phòng		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
42	Bàn làm việc		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
43	Ghế văn phòng		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
44	Ghế Xuân Hòa		4	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
45	Bàn máy tính		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P109
46	Tủ		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P110
47	Bàn họp tổ bộ môn		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P110

48	Ghế Xuân Hòa		11	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P110
49	Tủ		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P111
50	Bàn làm việc lãnh đạo		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P111
51	Ghế lãnh đạo		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P111
52	Salon		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P111
53	Tủ sắt		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P112
54	Bàn làm việc lãnh đạo		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P112
55	Ghế lãnh đạo		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P112
56	Salon		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P112
57	Bàn họp tổ bộ môn		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P113
58	Ghế Xuân Hòa		16	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P113
59	Bàn máy tính		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P113
60	Tủ sắt đựng tài liệu		2	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P113
61	Bàn họp tổ bộ môn		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P114
62	Bàn máy tính		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P114
63	Ghế văn phòng		2	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P114
64	Ghế Xuân Hòa		19	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P114
65	Tủ sắt đựng tài liệu		2	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P114
66	Bàn họp tổ bộ môn		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P301
67	Bàn máy tính		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P301
68	Ghế văn phòng		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P301
69	Ghế Xuân Hòa		20	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P301
70	Tủ gỗ		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P301
71	Bàn họp tổ bộ môn		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P302
72	Bàn máy tính		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P302
73	Ghế văn phòng		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P302
74	Ghế Xuân Hòa		17	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P302

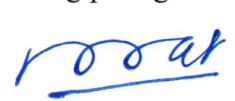
75	Tủ gỗ		2	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P302
76	Tủ sắt		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P302
77	Bàn họp tổ bộ môn		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P309
78	Bàn máy tính		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P309
79	Ghế học sinh		2	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P309
80	Ghế Xuân Hòa		15	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P309
81	Tủ gỗ		1	K. Ngữ văn	Toàn bộ các học phần	Các học kì		P309

Đại diện trưởng các đơn vị chuyên môn quản lý kê khai (theo từng mẫu trên)

Trưởng phòng KHCN


PGS.TS. Dương Minh Lam

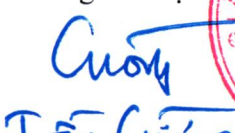
Trưởng phòng TCCB

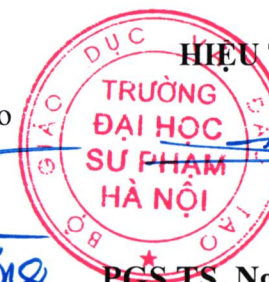

PGS.TS. Đỗ Văn Đoạt

Trưởng phòng QT


ThS. Nguyễn Xuân Tuyền

Phòng Đào tạo


PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn



HIỆU TRƯỞNG 

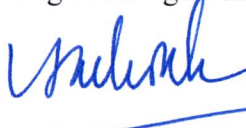
Giám đốc trung tâm ĐBCL


PGS.TS. Dương Giáng Thiên Hương

Giám đốc TTTV


ThS. Phạm Công Chi

Trưởng khoa Ngữ văn


PGS.TS. Hà Văn Minh